

HOẠT ĐỘNG TRIỀU CỐNG TRONG QUAN HỆ NGOẠI GIAO GIỮA VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á LỤC ĐỊA THẾ KỶ XIX*

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH*

1. Mở đầu

Xưa nay, khi nhắc đến hoạt động cầu phong hay triều cống, các nhà nghiên cứu trên thế giới thường xem đây là những hoạt động đặc biệt chỉ thấy có trong quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc và các nước láng giềng mà Việt Nam được xem là một ví dụ điển hình với tính chất phức tạp và nhiều mặt của nó (1). Từ J.K. Fairbank, S.Y. Teng, John E. Wills, Joseph F. Fletcher, James A. Millward đến Brantly Womack (2) đều nhấn mạnh đến “hệ thống triều cống” của Trung Hoa và xem đó như là một hình thái quan hệ quốc tế đặc biệt, duy nhất tồn tại ở khu vực Đông Á thời cổ - trung đại. Tuy nhiên, trên thực tế, thời bấy giờ còn tồn tại một “hệ thống triều cống” khác ở khu vực Đông Nam Á lục địa (hay còn gọi là Bán đảo Đông Dương) mà trung tâm của nó lại chính là một nước “chư hầu” của Trung Hoa, đó chính là Việt Nam. Trong “hệ thống triều cống” lấy Việt Nam làm trung tâm này cũng diễn ra hoạt động triều cống của một số nước Đông Nam Á lục địa như Chân Lạp (Cao Miên) (3), Vạn Tượng (4), Nam Chường (5), Thủy Xá (6), Hỏa Xá (7). Tuy nhiên, do đặc trưng địa - chính trị, địa - văn hóa khác nhau giữa hai “hệ thống triều cống” ấy nên “hệ thống

triều cống” Đông Nam Á lục địa sẽ mang những đặc thù riêng, bên cạnh những nét chung do bản chất của chính hoạt động triều cống mang lại. Từ chỗ tái dựng lại hoạt động triều cống giữa Việt Nam và các quốc gia Đông Nam Á lục địa thời Nguyễn thế kỷ XIX (khoảng thời gian nhà Nguyễn đang là một nhà nước độc lập), bài viết bước đầu chỉ ra những đặc trưng cốt lõi của “hệ thống triều cống” đặc biệt này- những đặc trưng không chỉ chi phối đến quan hệ ngoại giao Việt Nam - các nước Đông Nam Á lục địa thời bấy giờ mà còn tác động lớn đến mối quan hệ ấy trong hiện tại và tương lai.

2. Nội dung

2.1. Lý do của hoạt động triều cống trong quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á lục địa thế kỷ XIX

Điểm khác biệt lớn nhất giữa triều cống và lễ sính thông thường là ở chỗ: Nếu Sính là tặng phẩm nhân những lần thăm hỏi, không có kỳ hạn nhất định, thường được tiến hành khi muốn giao hiếu, báo tin thắng trận hoặc tạ ơn vì được sách phong..., thì Cống là việc nước “phiên thuộc” phải nộp những vật phẩm quý của nước mình cho “trung tâm”, cho nước lớn hơn theo quy định thoả thuận giữa hai bên, mang tính

* TS. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

bắt buộc. Như vậy, chỉ khi nào giữa nước lớn - nước nhỏ ấy tồn tại mối quan hệ “thượng quốc” - “chư hầu” (“suzerain” - “vassal”), nước nhỏ quy thuận nước lớn, thì khi đó mới tồn tại hoạt động triều cống giữa hai bên. Ở đây, trong thế kỷ XIX, không phải tất cả các nước Đông Nam Á đều triều cống Việt Nam, trên thực tế chỉ một số nước như Chân Lạp (Cao Miên), Vạn Tượng, Nam Chưởng, Thủy Xá, Hỏa Xá thực hiện nghĩa vụ này. Điểm chung dễ nhận thấy ở những nước này là đều nhỏ hơn Việt Nam về không gian lãnh thổ, về dân số, tiềm lực quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa. Đây là một thực tế không thể nào phủ nhận cho dù Việt Nam lúc ấy cũng đang là một nước nhỏ hơn so với nhiều quốc gia khác trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản. Rõ ràng, một nước có thể là nhỏ so với nước này nhưng lại lớn hơn so với nước kia. Một khi các nước Đông Nam Á này chịu cầu phong, triều cống có nghĩa là các nước ấy chấp nhận vị thế kém hơn của mình trong mối quan hệ với Việt Nam và ắt hẳn phải có một lí do logic giải thích cho điều này, không thể thì sao cùng thời điểm, Xiêm La lại không chấp nhận cầu phong, triều cống Việt Nam như nhiều nước khác. Không giống như Xiêm La - một nước có vị thế tương đương với Việt Nam xét về tiềm lực chính trị, quân sự, kinh tế, thì những nước Chân Lạp (Cao Miên), Vạn Tượng, Nam Chưởng, Thủy Xá, Hỏa Xá lúc bấy giờ là những nước nhỏ hơn về tiềm lực mọi mặt, lại luôn rơi vào tình trạng nội chiến bất ổn và chịu sức ép xâm lược, thôn tính từ bên ngoài. Vì vậy, giữa một bên là chấp nhận thần phục, triều cống nước lớn hơn như Việt Nam để tìm chỗ dựa trong công cuộc sinh tồn, phát triển; một bên là tự chống đỡ sự chống đối từ các phe phái đối lập trong nước và mối đe dọa thường trực từ nhiều nước lớn hơn ở xung quanh, các nước này đã chọn

phương án thứ nhất - thần phục Việt Nam. Đó là sự lựa chọn tất yếu của lẽ sinh tồn, cũng giống như cách mà Việt Nam đã chọn khi đứng trước nguy cơ đe dọa an ninh thường trực từ phía đại quốc Trung Hoa.

Về phía Việt Nam, Việt Nam cũng sẵn lòng chấp nhận hoạt động triều cống của các nước Đông Nam Á nhỏ hơn, xem đó như là phương cách để duy trì quan hệ “thượng quốc - chư hầu” không bị cắt đứt, bởi sự tồn tại của “hệ thống triều cống” lấy Việt Nam làm trung tâm này không chỉ mang lại lợi ích thiết thân cả về chính trị, kinh tế cho Việt Nam mà rõ ràng, còn tạo ra một môi trường ngoại giới ổn định ngay sát cạnh để duy trì sự ổn định trong chính nội địa Việt Nam. Hơn thế, việc duy trì “hệ thống triều cống” với vị trí “trung tâm” dành cho Việt Nam còn góp phần tạo ra thế cân bằng, đàng đối về tiềm lực, ít nhất xét về hình thức, đối với Việt Nam trong mối quan hệ với nước láng giềng “khổng lồ” ở phía Bắc. Do đó, “hệ thống triều cống” Đông Nam Á lục địa trong hoàn cảnh lúc bấy giờ không thể chỉ mang tính đơn phương, một chiều (“was merely a unilateral”), như cách nói của Yu Insun (8) khi ông mô tả trật tự thế giới Trung Hoa (Chinese word order), mà nó thực sự được vận hành dựa trên nhu cầu từ cả hai phía (phía Việt Nam và phía các nước Đông Nam Á).

Tuy nhiên, nếu như Trung Quốc là nước lớn nhất trong khu vực Đông Á, thì Việt Nam dù là trung tâm của “hệ thống triều cống” Đông Nam Á lục địa vẫn không phải là nước lớn nhất trong khu vực, vẫn thường xuyên chịu sức ép xâm lược từ phía nước lớn hơn là Trung Quốc và sự cạnh tranh của nước có tiềm lực tương đương với là Xiêm La. Do đó, uy quyền của Việt Nam trong con mắt của các nước “phiên thuộc” không mang tính tối thượng, tuyệt đối như

cái “uy” của Trung Quốc đối với các nước “chư hầu” của nó. Lúc này, bên cạnh Việt Nam, các nước Đông Nam Á lục địa này hoàn toàn có thể/phải nương dựa vào nước lớn khác để đảm bảo tối đa cho an ninh quốc gia mình. Hơn nữa, nếu như giữa Trung Quốc và các nước trong “hệ thống triều cống” của nó cùng thuộc “khu vực văn hóa chữ Hán”, có cùng chung cơ sở tư tưởng là ý thức hệ Nho giáo, cùng thấm nhuần sâu sắc ý thức duy trì trật tự trên - dưới giữa nước lớn và nước nhỏ theo thuyết Chính danh, cùng tôn vinh “Thiên tử”, tuân theo “Thiên mệnh” và xem cầu phong, triều cống là nghĩa vụ của “phiên thuộc” đối với “Thiên tử”, “Thiên triều”, có như vậy mới hợp Lễ, đúng Phép, thuận với lẽ Trời; thì giữa các nước trong “hệ thống triều cống” Đông Nam Á lục địa lại không có sự kết dính chặt chẽ trên phương diện tư tưởng như thế. Dù văn hóa Nho giáo vẫn ảnh hưởng đến nhiều nước nơi đây, song mức độ ảnh hưởng đậm - nhạt ở các nước là không giống nhau và bên cạnh Nho giáo, nhiều tôn giáo khác như Ấn Độ giáo, Phật giáo... vẫn đóng một vai trò quan trọng trong đời sống tư tưởng của vua quan lẫn dân chúng ở nhiều nước trong khu vực này. Chính vì vậy, sức mạnh của Trời (Thiên), của con trời (Thiên tử) - thứ sức mạnh vô hình mang màu sắc “thần quyền” của Nho giáo vốn tạo nên sự ràng buộc lẫn nhau giữa các nước thuộc “hệ thống triều cống” lấy Trung Quốc làm trung tâm, không thể phát huy được hết công năng của mình ở “hệ thống triều cống” Đông Nam Á lục địa. Do đó, khái niệm “trung tâm”, “thượng quốc” được Shils xác định như là điều gì tối thượng và vô cùng linh thiêng trong lĩnh vực biểu tượng, giá trị và tín ngưỡng (9), hay là nơi hội tụ những giá trị “truyền thống”, đặc biệt là những “lễ nghi”, tín ngưỡng thiêng liêng, từ đó lan truyền,

khuyến tán văn hóa ra ngoại vi (10), nhờ đó đạt được “uy tín” và dành được “sự tôn kính” từ các nước ngoại vi, dường như không thể áp dụng khi nói về “trung tâm” Việt Nam trong “hệ thống triều cống” Đông Nam Á lục địa thời bấy giờ. Chính những đặc trưng của bối cảnh địa - chính trị, địa - văn hóa này sẽ định hình nên những đặc điểm rất riêng của hoạt động triều cống giữa Việt Nam và các quốc gia Đông Nam Á lục địa trong suốt thế kỷ XIX.

2.2. Diễn trình hoạt động triều cống trong quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á lục địa thế kỷ XIX

Qua khảo sát những bộ Quốc sử triều Nguyễn, đặc biệt là bộ *Đại Nam thực lục*- bộ Quốc sử ghi lại đầy đủ nhất những hoạt động ngoại giao của triều Nguyễn với các nước Đông Nam Á thời bấy giờ, chúng tôi bước đầu lập ra bảng thống kê mô tả khá chi tiết hoạt động triều cống Việt Nam của các nước Đông Nam Á dưới triều Nguyễn như sau (*xem bảng 1*).

Từ những ghi chép nêu trên của Quốc sử quán triều Nguyễn, chúng ta bước đầu hình dung tổng thể về hoạt động triều cống Việt Nam của các nước Đông Nam Á lục địa trong suốt thế kỷ XIX.

Nhìn chung, có 8 nước trong khu vực thực hiện việc tiến cống triều Nguyễn thời gian này, trong đó nước triều cống nhiều nhất là Chân Lạp với tổng số 11 lần (vào các năm: 1803, 1806, 1816, 1818, 1821, 1824, 1827, 1831, 1832, 1833, 1834), tiếp đó là Vạn Tượng với 8 lần triều cống (vào các năm: 1802, 1805, 1811 tiến cống 2 lần, 1814, 1821, 1824, 1827), Thủy Xá tiến cống 8 lần (vào các năm: 1821, 1831 (11), 1841, 1843, 1852, 1855, 1865, 1868), Hòa Xá tiến cống 8 lần (vào các năm: 1834, 1840, 1841, 1843, 1852, 1855, 1865, 1868), Năm Chương tiến cống 6 lần (vào các năm: 1803, 1823, 1828, 1833 tiến cống 2 lần, 1838), Cao Miên tiến cống 5 lần (vào các năm:

Bảng 1: Hoạt động triều cống giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á lục địa thế kỷ XIX

Năm triều cống	Nước triều cống	Nội dung hoạt động triều cống	Ứng xử của triều Nguyễn đối với nước triều cống	Nguồn tài liệu từ Đại Nam thực lục
1803	Chân Lạp	Nước Chân Lạp sai sứ sang cống	Kinh thần tâu lên cho nhà vua hay, sai các trấn từ Quảng trị trở ra Bắc, hầu tiếp sứ giả, đưa đến hành tại.	Tập I, tr.571
1806	Chân Lạp	Nước Chân Lạp sai sứ đến cống		Tập I, 683
1807	Chân Lạp		Sau khi đã phong vương cho vua Chân Lạp là Nặc Chân, nhà Nguyễn định lễ ba năm một lần cống, bắt đầu từ năm nay. (Cống phẩm là 2 thớt voi đực, 2 tòa sừng tê, 2 chiếc ngà voi, 2 bình sơn đen, đầu khấu, sa nhân, sáp ong, cánh kiến, trần hoàng, mỗi thứ đều 50 cân. Sứ bộ gồm một chánh sứ một phó sứ, cứ tháng 4 tới Gia Định, thành thần tụy người đưa đến Kinh. Số người đi theo, đường bộ 10 người, đường biển 20 người).	Tập I, 707
1816	Chân Lạp	Sai sứ sang cống	Vua Gia Long thấy nước ấy mới yên, sai thu phẩm vật một vài thứ, còn dư cho trả lại rồi hậu đãi cho về.	Tập I, 901, 935
1818	Chân Lạp	Nước Chân Lạp sai sứ sang cống và dâng thư nói: "Trước kia các xứ Nam Vang, Ô Môn, Ba Xắc, đi lại buôn bán, mọi người đều lấy làm tiện. Từ khi Nặc nguyên chiếm nước, Nặc Chân chạy sang bên này thì triều đình mới có lệ cấm buôn. Nay nước đã yên định, đôi đôi xưng làm phiên thần, xin lại cho đi lại buôn bán như cũ".	Vua Gia Long y cho và sắc cho vua Phiên từ nay quốc thư công văn thì dùng ấn Quốc vương đã ban cấp năm Gia Long thứ 6.	Tập I, 973
1824	Chân Lạp	Nước Chân Lạp sai sứ đến cống	Vua Minh Mệnh sắc cho miễn đến Kinh, lại cho phiên vương sắc thư và lụa vóc; sứ giả thì cho bạc mà bảo về.	Tập II, tr.360
1827	Chân Lạp	Nước Chân Lạp sai sứ sang cống	Triều Nguyễn thưởng mũ áo đại triều Tứ phẩm võ giai cho Chánh sứ Nhâm Lịch Đột, mũ áo thường triều Lục phẩm giai cho Phó sứ Phạm Kha Đề Na đặc biệt cùng quần áo chăn đệm mùa rét.	Tập II, tr.684
1821	Chân Lạp	Nước Chân Lạp sai sứ vào cống và dâng đồ lễ mừng mừng Tử Thọ	Vua Minh Mệnh sắc cho miễn đến Kinh và ban cho Phiên vương sắc thư, lụa màu, lại cho sứ bộ bạc lượng có thứ bạc khác nhau.	Tập II, tr.138
1831	Chân Lạp	Nước Chân Lạp sai sứ đến cống. Sứ đến Gia Định.	Vua Minh Mệnh dụ miễn cho sứ bộ đến Kinh và ban cho Phiên vương sắc thư, lụa màu, lại cho sứ bộ bạc lượng có thứ bạc khác nhau.	Tập III, tr.169
1832	Chân Lạp	Nước Chân Lạp sai sứ đến tiến cống.	Khi sứ đến tỉnh Gia Định, vua Minh Mệnh sắc cho miễn vào Kinh, ban cho Phiên vương tờ sắc thư và lụa hoa, còn sứ thần thì ban bạc lượng, rồi cho về	Tập III, tr.315
1833	Chân Lạp		Định lại lệ triều cống cho nước Chân Lạp (Lễ trước: kỳ tiến cống, nhằm vào tháng 4 đến Gia Định, tháng 6 đến Kinh; nay đổi lại: thượng tuần tháng 2 đến An Giang, thượng tuần tháng 4 đến Kinh để kịp chiêm bái ngày tiết Vạn Thọ. Chuẩn cho 1 chánh sứ, 1 phó sứ, 1 thống ngôn và 4 lính theo hầu, cộng là 7 người, cùng 1 viên ở tỉnh đi ban tống, theo đường trạm tiến Kinh; còn thì ở lại nơi biên giới, đợi ban thưởng).	Tập III, tr. 487
1833	Chân Lạp	Nước Chân Lạp sai sứ lại cống	Vua Minh Mệnh sai quan phân việc chế cấp phẩm phục thường triều cho Chánh sứ là Ốc Nha Chiết tức, Phó sứ là Ốc Nha Đổng Sa và Ốc Lịch Nhâm. Đến khi họ về nước, lại thưởng cho Chánh sứ bộ đồ trà cần vàng, bộ đồ uống rượu bằng pha lê bịt vàng; cho Phó sứ bộ đồ chén cần bạc và bộ đồ uống rượu bằng pha lê mỗi người một bộ. Vua Minh Mệnh dụ rằng: "Về bảo quốc trưởng các người rằng nay đã trưởng thành, nên kính cần giữ theo lễ độ các nước chư hầu khéo vỗ về dân chúng, như thế mới khỏi phụ lòng yêu thương của triều đình. Lỡ có lạng giềng gây biến, ta sẽ có cách xử trí, không phải lo ngại".	Tập III, tr.545
1834	Chân Lạp	Vua nước Chân Lạp là Nặc Chân xin dâng cống 3 thớt voi đực, quan Phiên là Chu Địch Danh Tuần, cũng xin hiến 1 con.	Vua Minh Mệnh nghĩ rằng những người tiến cống đó đều do lòng rất thành khẩn, nên đều chuẩn cho thu nhận và khen thưởng, rồi tính giá, trả tiền cho (mỗi con voi trả 200 quan tiền). Vua dụ bộ Binh rằng: "Năm ngoái, giặc Xiêm đến lấn nước Chân Lạp, Vua Phiên liền lật đật chạy đi, đó là bởi ngày thường ham chơi, chẳng sửa võ bị. Nay chúng đã bị quan quân đánh thua, lăn trốn chạy về, chắc hẳn không dám trở lại gây sự. Dụ đối với lời răn phải đề phòng lúc không ngờ, càng nên dự phòng trước khi có việc. Vậy ra lệnh cho Tổng đốc An - Hà là Trương Minh Giảng truyền dụ cho Phiên vương: Phạm những khí giới mà quan Phiên quen dùng bấy nay, như những loại đao kiếm, trường thương và tên, nó, đều nên chỉnh đốn, chuẩn bị, cốt phải tinh nhuệ. Lại nên luyện tập trận pháp cho thông thuộc, không được trễ biếng như trước".	Tập IV, tr.276

1835	Chân Lạp		Bỏ lệ cống cho nước Chân Lạp Vua du bộ Lê rằng: "Nước Chân Lạp theo lệ định, 3 năm 1 lần cống chính và hằng năm sai sứ đến châu 1 lần. Ngày nọ, nhân có việc giặc Xiêm, nên lệ cống thường niên năm Minh Mệnh thứ 15 [1834] đã chuẩn cho lưu đến năm nay cũng dâng hai lễ cống một lúc. Nhưng sau đó, vua Phiên bị bệnh chết, phạm những việc lớn nước Phiên, đều chuẩn cho quan Phiên bẩm rõ với Tổng đốc An Giang và Tuần phủ Hà Tiên xử trí. Và lại, nước Chân Lạp đổi đời làm thần bệch triều ta, cũng một hạng với các địa phương ta, chứ không như ngoại phiên khác. Vậy những lệ cống chính, cống thường các năm đều cho đình chỉ, để tỏ cái chí ý của triều đình về về, hòa mục với phiên thuộc cũ, không nữa coi như nước ngoài".	Tập IV, tr.516
1847	Cao Miên	Sứ Cao Miên sang làm lễ triều cống	<p>Vua ngự điện Càn Chính. Sứ Cao Miên làm lễ triều cống. Trước đây, du cho bộ Lê rằng: "Nước Cao Miên từ khi lập quốc, đã truyền 12 đời, thần phục triều ta. Từ Thái tông Hiếu triết hoàng đế ta, mới ban cho tước và ấn phiên vương. Từ Hoàng tổ, Thế tổ Cao hoàng đế ta, mới làm cho nước đang nguy lại được yên, nước đã mất lại được còn. Triều ta thực có công to xây dựng cho Mên Lạp. Đồn Trấn Tây đặt ra, xếp đặt lâu năm, biển cố gần đây là cái tội của biên thân Dương Văn Phong và Trương Minh Giảng đó. Từ khi sinh ra việc binh, đến nay đã 7 - 8 năm, làm nao động dân ngoài biên ta, nhọc một tướng sĩ ta, ăn gió năm sương, áo giáp mũ trụ chảy rịn sinh ra, lòng ta rất thương. Nay tù trưởng Cao Miên đã biết ăn năn tội, quy thuận với triều đình, nhân chúng đến mà tiếp nhận chúng, để cho quán dân được nghỉ ngơi, cái lo ở ngoài biên có thể hơi thư được. Ồi, khi có việc thì trông vào viên tướng khi không việc thì trông vào sứ thần. Sứ thần đến đây, mắt trông tai nghe của người xa quan hệ ở chỗ đó. Từ chỗ quan thứ đến Kinh, sự khoản cấp ở dọc đường đều phải nên hầu đãi, để trong quốc thể mà yên lòng người phương xa, đến như lễ nghi triều cống, cống phẩm tham khảo điển lệ, nghĩ soạn ra nghi tiết dâng lên. Khi sứ đến, tới sân rồng, dâng lễ cống, châu mừng đúng như nghi tiết.</p> <p>Xa giả đi qua, sắc sai thường cho quốc trưởng [Cao Miên] và bồi thần cùng bọn người đi theo các phẩm vật có khác nhau. Duyệt cố quan phục ban cho Quận chúa Ngọc Vân thì đo thị vệ mang đến ban cấp.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thường cho 1 viên chánh sứ: nhiều nam màu đen 1 cuốn, áo dài rộng tay bằng thứ lượng sa toàn tuyến 3 hoa cúc màu quan lục và màu tuyết bạch đều 1; chiếc áo ngắn hẹp tay bằng thứ sa mình bằng dệt hoa mẫu đơn cả cánh toàn tơ màu lam nhạt và bằng vải Tây dương hàng ba, trắng như tuyết, đều 1 chiếc; quần bằng nhiều nam thật tơ hoa đỏ 1 chiếc; quần bằng trừu hoa nam hàng Châu Lan 1 chiếc. Hai viên phó sứ: nhiều nam thật tơ màu đen 1 cuốn, áo dài rộng tay bằng thứ sa dệt dây phiêu trách nhuộm màu lam sẫm dệt dây dưa con bướm sợi chàm sợi nổi 1 chiếc, áo ngắn hẹp tay bằng thứ sa thoáng 3 hoa cúc toàn tơ nhóm màu lam nhạt và thứ vải Tây dương hàng ba trắng như tuyết đều 1 chiếc; quần nhiều nam thật tơ màu cánh kiến 1 chiếc, quần trừu hoa nam màu cánh kiến 1 chiếc. - Ăn thường cho Sĩ Ông Giun: 1 đao sắc dụ; gấm đoạn Trung Quốc màu đỏ, màu quan lục, chen hoa mẫu đơn vàng, đều 1 cây; nhiều hoa nam, màu hoa đỏ, màu ngọc lam, đều 1 cuốn; sa hoa nam các màu, hạng tốt, 10 tấm; sa hoa nam các màu, 10 tấm; trừu nam, hoa chùm đỏ, chùm trắng, đều 5 tấm; lụa Cao Bộ 20 tấm; vải hoa các màu của Tây dương 10 tấm, vải hoa Tây dương màu đỏ 5 tấm. - Thường thêm: đoàn năm đường tơ, các màu, 2 tấm; vải bông hoa in của Tây dương 2 tấm, nỉ các màu 2 tấm; vải bông màu quan lục, hiệu Da lang, 1 tấm; sa lụa nam, hoa đỏ, 5 tấm; trừu hoa sen, màu tuyết bạch, 5 tấm. - Ăn thường, 1 viên chánh sứ: bạc kiêu mới 1 lạng, bạc đinh 10 đinh; nhiều nam thật tơ, hoa đỏ, 1 cuốn; sa nam tốt, đủ các màu, 2 tấm; trừu hoa, chùm đỏ, chùm trắng, đều 1 tấm; trừu nam, hoa sen đỏ và trắng, đều 1 tấm; sa lụa nam, đủ các màu, 10 tấm; vải hoa Tây dương màu lam 1 tấm, vải Tây dương hoa đỏ 1 tấm; gia thường: vải bông, màu quan lục, 1 tấm; 2 đồng ngân tiền hạng lớn hiệu Thiệu Trị hai con rồng, ngân tiền Thiệu Trị hạng lớn hạng nhỏ hiệu Phi long đều 2 đồng. Hai viên phó sứ: bạc kiêu mới 1 lạng, bạc đinh 8 đinh; sa nam thật tơ, màu ngọc lam, 1 cuốn; sa hoa nam, các màu, 2 tấm; trừu hoa nam, màu đỏ màu trắng, đều 1 tấm, trừu nam, hoa sen trắng như tuyết, 2 tấm; sa lụa nam đủ các màu 10 tấm; vải Tây dương hoa đỏ 2 tấm; gia thường: vải bông màu lam 1 tấm; ngân tiền Thiệu Trị hạng lớn hai con rồng 1 đồng, ngân tiền Thiệu Trị hạng lớn nhỏ hiệu Phi long đều 2 đồng. - Ăn thường cho 10 tên quân đi theo: mỗi tên vải đỏ 1 tấm, áo ngắn hẹp tay bằng nỉ, màu lam, trong vải đỏ 1 chiếc; quần bằng sa nam, màu cánh kiến, 1 chiếc; ngân tiền Thiệu Trị hạng lớn hạng nhỏ hiệu Phi long đều 1 đồng. - Ăn thường cho 2 tên thông dịch: mỗi tên 1 cái áo ngắn hẹp tay, bằng tơ toàn tơ, dệt dây dưa con bướm, màu lam nhạt, và thứ sa thoáng, hoa chim, hoa nổi; 1 cái áo hẹp tay bằng thứ vải nhỏ của Tây dương, màu tuyết bạch, hạng 6; quần bằng trừu hoa nam, màu cánh kiến, 1 chiếc; tiền 20 quan. Còn thổ mục, thổ binh lưu ở Gia Định: thường mỗi tên thổ mục đều 2 đồng ngân tiền Phi long hạng lớn hạng nhỏ; áo vải, ngoài nỉ đỏ, trong màu lam, đều 1 chiếc; vải đỏ đều 2 tấm. Thổ binh mỗi tên đều 2 đồng ngân tiền Phi long hạng nhỏ; vải đỏ đều 1 tấm. Lại hầu ban cho một tiệc thịt rượu ăn uống. 	Tập VI, tr.968 - 973
1847	Cao Miên	Vua Cao Miên nhân phong và lễ triều cống	<p>Duyệt cố kỹ hạn cống và lễ cống. Vua giao bộ Lê bàn rồi tâu lên. Khi nghị đệ lên, định 3 năm một lần cống, bắt đầu từ năm Mậu Thân (ta ăn và lễ phẩm đều do sứ cống cùng tiến một thể). Lại cấp cho quan lịch và dân lịch 100 năm, do tỉnh An Giang chuyển giao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lễ cống, lễ phẩm có: 2 thớt voi dực, 2 chiếc ngựa voi, 2 bộ tê giác, sa nhân, đầu khấu, trần hoàng, cánh kiến, sáp ong đều 5 cân, sơn đen 20 vò. - Lễ phẩm ta ăn có: 2 chiếc ngựa voi, 2 bộ tê giác, đầu khấu, sa nhân, trần hoàng, cánh kiến và sáp ong đều 50 cân, sơn đen 20 vò. 	Tập VI, tr.1007

			Số người trong sứ bộ: chánh sứ, phó sứ đều 1 viên, thông ngôn 2 viên, thầy thuốc 2 viên, quân đi theo 9 tên, rồi do quan tỉnh An Giang trước báo nhật ký lên đường; đến trung tuần tháng hai đến An Giang, quan tỉnh xét thực lễ phẩm, rồi trích ra ngựa voi, tế giác và đậu khấu 3 hạng, cho theo đi cùng sứ bộ, do đường bộ phát đi; còn các hạng khác cho tùy tiện vận tải: thớt voi giao cho tỉnh Gia Định chèo nuôi. Lượng cho 2 viên phó chánh sứ, 1 viên thông ngôn, 1 viên thầy thuốc, 3 tên quân đi theo, cùng với tỉnh phải thông phân hoặc kinh lịch 1 viên sung chức Trưởng tổng (12) và 1 viên thông ngôn, đều cùng với sứ bộ nhứt tế khởi hành do đường bộ lên đường; trung tuần tháng tư đến Kinh, hạ tuần làm lễ triều cống. Rồi lưu lại đợi hai khánh tiết Đoàn dương và Vạn thọ, tùy ban chiêm bái. Khi lễ xong, rồi sẽ cho bộ tàu xin cho về. Vua y lời tâu, chuẩn cho quan đốc phủ An - Hà truyền dụ cho quốc vương [Cao Miên] biết.	
1848	Cao Miên	Vua nước Cao Miên là Xá Ong Giun sai sứ đem các phẩm vật làm lễ tiến hươu, lễ chúc mừng và lễ cống hàng năm	Vua Tự Đức chuẩn cho nhận phẩm vật và 2 lễ tiến hươu và tiến cống thời, còn phẩm vật về lễ khánh hạ thì cho miễn, nhưng đều chuẩn cho hành lễ	Tập VII, tr.54
1851	Cao Miên	Vua nước Cao Miên là Xá Ong Giun sai người đi tố biểu dâng đồ cống. Lại xin trả lại kinh Phật của nước ấy (năm Minh Mệnh thứ 21, tỉnh Vĩnh Long tra xét niêm phong hàng hóa ở thuyền của tên nghịch Yếm, trong đó có 8 tập kinh Phật của người nước Xiêm, giao cho chùa Giác Hoàng giữ) và trả về các xứ Ô Môn, Thất Sơn, Ba Xuyên, Kiên Giang (nguyên trước là đất nước Cao Miên, khoảng năm Minh Mệnh, dân Man nước ấy làm loạn giết hại dân Kinh, quân Việt đến dẹp được yên, thì từ ấy những xứ ấy đều về Việt Nam cũ); và mượn đường sông Vĩnh Tế để ra biển (đi thông thường).	Vua cho là không hợp lý, sai Hữu Bạng trừ nghị làm cho ổn thỏa, khiến cho nước kia tâm phục.	Tập VII, tr.191
1851	Cao Miên	Vua nước Cao Miên là Xá Ong Giun sai sứ vào cống.	Vua Tự Đức ngự ở điện Cần Chính cho sứ thần Cao Miên làm lễ triều cống.	Tập VII, tr.198
1854	Cao Miên	Mùa hạ, tháng 4, nước Cao Miên sai sứ sang cống.	Vua Tự Đức dụ thượng quốc vương là Xá Ong Giun và hậu đãi sứ thần rồi cho về nước.	Tập VII, tr.306
1857	Cao Miên	Nước Cao Miên sai sứ (Chánh sứ là Ốc Nha Bồ Ni Đốc tên là Ngồi, Phó sứ là Ốc Nha Phật Kha Đê Ni Đốc tên là Khết) đem đồ triều cống (2 con voi và sừng tê, ngà voi, đậu khấu, một thứ lễ vật/)	Triều Nguyễn ban cho mỗi người một bộ áo mũ tử phẩm và lục phẩm võ quan, theo ban vào lạy. Đến khi về, thưởng cho tứ Chánh, Phó sứ trở xuống vàng lụa sa đoạn có thứ bậc khác nhau. Thưởng cho vua nước ấy gấm các màu 10 cây, đoạn nam 2 cây, trầu, lương, vải, lụa, đoạn, dệt đầu tám sợi tơ, trầu phiêu trắng, nhiều trắng, sa dệt thùy 3 màu lam già, các hạng cống 94 tấm. Lĩnh và sa mỏng, sa dày, sa chuỗi chín 3 thứ cống 36 tấm.	Tập VII, tr.493
1862	Vạn Tượng	Nước Vạn Tượng sai sứ đến cống	Triều Nguyễn ban cho 100 quan tiền rồi cho về	Tập I, tr.530
1805	Vạn Tượng	Quốc trưởng nước Vạn Tượng là Chiêu A Nỗ sai sứ đến cống (Voi đực 2 con, sừng tê 2 tòa, nhục quế 800 cân).	Sứ giả đến Cam Lộ, đình thần Quảng Trị dịch thư nói: Xưa ở đời liệt thánh, nước họ 3 năm một lần cống, đời đời xưng phiên thần. Từ khi giặc Tây Sơn tàn ngược, dân không sống nổi, mới phải theo nước Xiêm, lại bị người Xiêm làm khổ. Nay uy vũ nhà vua nổi dậy, Man Di đều quy phục cả, xin theo lệ cũ, tiến cống như xưa. Đình thần đem việc tâu lên. Vua Gia Long sai thiêm sự Lễ bộ và cai đội Tiểu sai đều một người đi tiếp sứ giả. Khi sứ giả đến, cho yết kiến, hỏi về chính sự phong tục nước họ, rồi khoản đãi rất hậu, hơn một tháng, sứ giả xin về nước. Vua Gia Long bảo Đặng Đức Siêu rằng: "Đi thì hậu, lại thì bạc, đó là đạo mềm mỏng với người xa. Nước Vạn Tượng không bỏ lễ thờ nước lớn, kính thuận đáng khen, nên ban tử hậu mà bảo về". (Cho quốc trưởng đoạn hồng vũ 5 tấm, trầu trắng 20 tấm, the màu, lụa trắng, vải nhỏ trắng, vải nhỏ thắm, đều 50 tấm; sứ bộ 43 người đều cho bạc tiến theo thứ bậc khác nhau). Lại cho chiếu dụ rằng: "Quốc trưởng Chiêu an trước nước người là bề tôi cũ của trăm vầy. Trăm đời với nước người, chỉ nghĩ đến vô về yêu mến. Người nên kính giữ chức phận, giữ yên lấy dân, cho xứng ý trăm". Sai Lễ bộ ban định lệ cống, bắt đầu từ năm nay. (Ba năm một lần cống, lấy các năm Sửu, Thìn, Mùi, Tuất làm kỷ cống, tháng 12 thì đến Kinh cho kịp ngày châu mừng tiết Chánh đán. Đồ cống là: voi đực 2 con, sừng tê 2 tòa, ngà voi 2 chiếc, vỏ quế 5 cân. Sứ bộ thì chánh sứ phó sứ đều 1 người, tù trưởng 3 người, thông ngôn 2 người, người đi theo 30 người. Đường sứ do trạm Nghệ An dẫn đi, không được theo đường Cam Lộ Ai Lao.	Tập I, tr.649
1811	Vạn Tượng, Cam Lộ	-Thang 2 nhuộm, Nước Vạn Tượng sai sứ đến cống - Bảy cách Man ở Cam Lộ vào cống.		Tập I, tr.810

THƯ VIỆN TP. CẦN THƠ

1811	Vạn Tượng	Nước Vạn Tượng sai sứ đến cống, lại đưa trả về hơn ba chục người lính trốn.	Vua Gia Long báo Nguyễn Văn Thành và Phạm Như Đăng rằng: "Vạn Tượng đã nộp lễ cống hàng năm lại trả lính trốn về, đủ thấy lòng thành thực. Nên nhân đây ban chiếu khen ngợi để cho yên lòng. Nếu bọn Lê Đoàn và Trịnh Văn đến thì họ tất sẽ bắt trời đem dâng. Thế là Vạn Tượng là nước phèn giầu miễn thương đạo của ta đây". Sứ giả vâng mang chiếu về.	Tập I, tr.829
1814	Vạn Tượng	Nước Vạn Tượng sai sứ đến cống.		Tập I, tr.839
1821	Vạn Tượng	Nước Vạn Tượng sai sứ vào cống. Sứ giả là họ Phi Chủ Phó vào yết kiến tâu nói: "Tiểu quốc xa nghe tin Tiên đế cháu trời, Hoàng thượng mới lên ngôi báu, nhưng vì núi sông cách trở, chưa dám tin làm đúng, cho nên chỉ theo lệ hàng năm sửa lễ cống, còn lễ viếng và lễ mừng còn thiếu. Cúi xin thánh thượng lượng thưởng tình xa xôi, thứ tội cho tôi ser suất là may tiểu quốc	Vua Minh Mệnh an ủi, cho hậu và bảo vệ (Ngoài lễ thưởng, còn thưởng thêm cho Quốc trưởng 5 cây gấm đoạn, lụa các màu, là nam, sa nam, the nam, mỗi thứ 10 tấm, 1 bộ đồ chề bít vàng, bát bít vàng bít bạc mỗi thứ 1 cái, đĩa bít bạc 10 cái, trống lớn 1 cái; chánh sứ 1 áo chiến bằng gấm Tống đỏ, phó chiến một áo chiến bằng nhung đoạn lam, mỗi người đều 1 xiêm bằng gấm man, 1 gổ cẳng, 1 cái lọng, 1 bộ đồ chề bít bạc, 20 lạng bạc; chánh sứ 2 cây súng tây bằng kim loại, phó sứ 1 cây, mỗi người đều một thanh đao ma bạc; tù trưởng 8 lạng bạc, thông ngôn 5 lạng, mỗi người đều được áo chiến bằng trêu màu bảo lam, 1 bức xiêm man; dân man mỗi người được 3 lạng bạc). Chủ Phó lại nói: "Trước đi qua Nghệ An, đường xá nhiều nơi bị ngăn trở", Vua bèn dụ cho trấn thành theo địa hạt mà cho trấn xét và cho quản hộ vệ họ về. Trước kia, Phi Chủ Phó khiến thuộc man châu Quy Hợp là Phục Khâm sách nhiễu đồng Động Dịch, dân động ấy tổ cáo về Nghệ An, trấn thần xét được tình trạng tâu lên. Vua Minh Mệnh cho là dân man đi ở ngoài vòng vương hóa, không muốn bố hoặc họ vào pháp luật, hạ lệnh cho trấn thần giữ cống văn cho quốc trưởng Vạn Tượng để răn cấm, và bắt Phục Khâm phải tự hối cải để dân biên giới được yên.	Tập II, tr.122
1824	Vạn Tượng	Nước Vạn Tượng sai sứ đến cống		Tập II, tr.333
1827	Vạn Tượng	Quốc trưởng nước Vạn Tượng là A Nỗ sai con là Hạt Xã Bông đem phương vật vào cống tạ	Vua Minh Mệnh cho ra mắt, hỏi rằng: "Nước người có quan văn võ giúp đỡ hay không? Lúc trước đánh nhau với nước Xiêm, chỉ nghe có người và Chiêu Ba Thắc là họ hàng quốc vương, ngoài ra sao không có ai nữa?". Thưa rằng: "Các tướng đánh mãi không nên công gì, hoặc hàng Xiêm, hoặc bị bắt, nay ở thành Viên Chân còn có một người võ tướng thôi". Vua lại hỏi: "Làm vua được mấy đời rồi?". Thưa rằng: "Năm đời". Vua cười bảo thị thần rằng: "Mọi sự không có sách, mấy đời cũng không biết, có phải chỉ truyền được năm đời mà thôi đâu?". Sai trả lại những đồ dâng, chỉ lấy 10 thớt voi đực, cho rất hậu rồi bảo về.	Tập II, 664
1821	Thủy Xá (13)	Nước Thủy Xá xin phụ thuộc vào nước ta, Đầu đời Gia Long, Quốc trưởng nước ấy sai sứ đến Phú Yên xin quy phục. Thế tổ cho nhiều rồi bảo về. Đến nay sai người mang đồ vật được cho trước kia và cống thau, sáp ong làm tin đến báo Phước Sơn, xin cho sứ được thông hành vào cống. Trấn thần tâu lên.	Vua Minh Mệnh khen là đến có ý thiết tha, y cho. Sau vì nước ấy có biến, lễ cống không đến được.	Tập II, tr.138
1831	Hỏa Xá (14)	Nước Hỏa Xá sai sứ đến cống (1 đôi ngựa voi, 1 chiếc sừng tê).	Vua Minh Mệnh ban vàng lụa, quần áo rồi cho sứ về. Bộ Lễ bàn xin chuẩn định số đồ cống (ngựa voi 1 đôi, sừng tê 2 cái), kỳ tiến cống (cứ các năm tý, mão, ngọ, dậu) 3 năm 1 lần, bắt đầu từ năm Minh Mệnh thứ 15 [1834]. Còn việc cung cấp ban yến và tặng thưởng thì hỏi kèm Nam Chương và Chân Lạp, nhưng hậu hơn Lạc Biên, Múc Đa Hân. Vua chuẩn y lời bàn.	Tập III, tr.197-198
1834	Hỏa Xá	Nước Hỏa Xá sai sứ đến cống	Vua Minh Mệnh ra lệnh cho tỉnh Phú Yên hộ tống sứ giả theo đường thủy vào Kinh. Vua bảo rằng: "Hỏa Xá không biết có năm và ngày, chắc cũng chẳng biết có họ. Sai trước hãy thưởng cho sứ thần là Ma Duyên, Ma Tài mỗi người một bộ mũ áo thưởng triều Tông thật phẩm văn giai". Lúc vào lay châu, sứ thần làm đúng lễ nghi trong khi lui tới. Vua khen, dụ Nội các rằng: "Đất nước họ tuy ở xa khơi, thật núi day để đánh dấu chính sự, cây ruộng mà ăn, hãy còn phong tục thượng cổ, nhưng họ cũng đều có rừng, có tốc như mọi người khác và, về phân phủ bần, cũng có lương tri, lương năng, thì sao lại không thể cùng họ làm điều thiện? Cho nên thánh nhân dùng lễ giáo Trung Quốc để biến đổi thói tục man di, đem lễ nghĩa dạy bảo, thì loài có mai có vảy cũng có thể biến hóa mà biết mặc quần áo. Và, nước ấy từ trước đến nay vẫn giữ chức phận, làm lễ triều cống, dốc lòng tôn thần, thực là một nước có đạo nghĩa. Vậy, Quốc trưởng tên là Lam, chuẩn cho ban họ là Vinh và tên là Báo. Những chiếu sắc ban cho thì viết thẳng là Hỏa Xá quốc vương, để cho họ biết có dấu mỗi, giữ đúng danh hiệu, ngày càng nhuần thấm phong hóa người Kinh. Chánh sứ thì cho họ là Linh, văn tên là Duyên, phó sứ thì cho họ là Kiệu văn tên là Tài như cũ". Lại thưởng thêm cho nhiều cây hàng tấm, có từng bạc khác nhau (2 sứ thần: mỗi người 2 tấm sa, đoạn; 1 thông sự: 2 tấm sa tron hàng ta; 3 hành nhân: mỗi người một tấm dũi. Tục nước Hỏa Xá gọi quan là Long [rồng]. Sứ giả không dám tự xưng là "Long", nên đổi gọi là "Ma". Và tục nước đó không dám mặc áo hoa, cho nên nhưng sa và đoạn ban đều dùng hàng trơn).	Tập IV, tr.306-307
1840	Hỏa Xá	Nước Hỏa Xá vào chiêm bái, làm lễ tiến cống	Từ biểu tiến cống của nước Hỏa Xá, từ trước không phê bảo gì. Đến đây giữ vua Minh Mệnh mới cho Nội các các làm phiếu nói: đã phụng Chi "tri đạo" (Tri đạo: phê hai chữ "tri đạo" vào biểu số ý nói vua đã xem biết rồi).	Tập V, tr.687

1841	Hòa Xá, Thủy Xá		<p>Vua Minh Mệnh phán rằng: “Hoàng khảo ta uy đức rộng khắp. Những người tuy ở cõi xa, nơi hoang, chẳng ai không muốn dâng bầy lễ cống ở trước sân, cũng tỏ lòng thành tôn kính bề trên. Thủy, Hòa vốn là hai nước, nước Hòa nhỏ mà ở xa, nước Thủy ở gần mà lại to, nằm trước vào cống, nói là nước Hòa, chứ không nói nước Thủy. Hoàng khảo ta là bậc thánh minh, đã lấy làm ngờ, biết là thế nào cũng có duyên cớ; cho nên bắt đầu sai quan thành Trấn Tây, rồi lại sai quan tỉnh Phú Yên (năm Minh Mệnh thứ 21 [1840], mùa thu, sai quan ở thành Trấn Tây và tỉnh Phú Yên cho người đến hỏi sự trạng nước Thủy Xá, hỏi đi hỏi lại, cốt để biết rõ tình trạng, đến nay quả nhiên như thế. Vậy, giao cho bộ Lễ bàn luận cho kỹ, nếu là nhầm thì đổi lại cho đúng, nước nào đến cống thì tiến dẫn cho họ. Còn việc tiến cống chung nhau, ba năm một lần sai sứ đến, đều cho tùy ý để người xa, được thỏa lòng thành”.</p> <p>Khi tờ dụ đưa đến, cả hai nước đều rất mừng, xin đến tháng 6 sai sứ đến Kinh (một người sứ sang làm lễ tiến hương, một người sứ sang mừng vua lên ngôi). Vua ưng cho. Rồi ban cho Quốc trưởng nước Hòa Xá là Ma Thất; họ là Cửu, tên là Lai, để tỏ mệnh lệnh mới. Lại thưởng cho phú nhân của tỉnh Phú Yên là bọn Nguyễn Văn Quyền và Đặng Văn Hoat có thứ bạc. Hai nước Thủy Xá và Hòa Xá cống chung với nhau bắt đầu từ đây (các phẩm vật đem cống: nước Thủy Xá thì cống 2 chiếc ngà voi, 2 cái sừng tê. Nước Hòa Xá thì cống 1 chiếc ngà voi, 1 sừng tê. Cứ đến năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thì nước Thủy Xá phải chọn sai người đi sứ và mang cả phẩm vật của hai nước đến tỉnh Phú Yên làm lễ tiến cống. Theo lệ, thưởng cho Quốc vương nước Thủy Xá cái khăn nhiều màu làm dài 8 thước, áo dài bằng sa dày màu lam, màu trắng 1 cặp, áo nhung vải trong lót lụa màu, tay hẹp 1 cái, áo sa dày màu lam, màu trắng tay hẹp 1 chiếc, áo sa nam toàn tơ, tay hẹp các màu 5 chiếc, quần nhiều màu lam, màu hồng mỗi màu 1 chiếc, quần lụa nam màu cánh kiến 2 chiếc, 1 bộ đồ uống rượu có 1 cái năm, 3 cái chén, 1 cái khay. Quốc vương nước Hòa Xá được 1 cái khăn nhiều màu làm dài 8 thước, áo dài bằng sa dày màu lam, màu trắng 1 cặp, áo nhung vải trong lót lụa màu, tay hẹp 1 chiếc, áo sa nam toàn tơ, tay hẹp các màu 3 chiếc, quần nhiều màu lam, màu hồng mỗi màu 1 chiếc, 1 bộ đồ uống rượu. Lại cấp cho Quốc vương hai nước đều 1 cặp áo măng tam phẩm về võ giai. Thường cho Nguyễn Văn Quyền làm Đới trưởng ở tỉnh ấy, Đặng Văn Hoat làm Cửu phẩm thư lại, bọn tùy phái, thông ngôn, mỗi người 1 cặp áo bằng nhiều nam vải Tây dương và 10 lang bạc).</p>	Tập VI, tr.92-93
1841	Thủy Xá, Hòa Xá	Hai nước Thủy Xá, Hòa Xá đến cống	<p>Vua dụ bộ Lễ rằng: “Nước Hòa Xá dời dời ở nơi mọi rợ cõi xa, từ xưa đến nay chưa từng giao thông với nước ta. Ta mới lên ngôi, họ lại biết ngưỡng mộ phong hóa của nhà vua, gõ cửa ải, tỏ lòng thành khẩn. Tấm lòng kính trời, thờ nước lớn của họ thật đáng khen thưởng. Nước Thủy Xá thì dự hàng cống hiến đã lâu, trước sau một mực, còn việc đổi lại quốc hiệu thì mới bắt đầu từ nay. Sứ thần họ đến đây, ta nên tiếp đãi cũng cấp ưu hậu, để tỏ sự thân yêu người xa. Đối với hai Quốc vương ấy, nên cấp cho sắc thư thế nào, nên thưởng cho phẩm vật gì, số lượng bao nhiêu, bộ nên tra xét trong lệ định, rồi tâu lên để chăm chuốt mà làm. (Tục truyền: người hai nước này, tính què kèch, mặc mặc, trong nước có quân trưởng, nhưng không có thành quách cây lấy mà ăn, dệt lấy mà mặc, không bao giờ có việc binh đao, người nào cũng có thói cố).</p>	Tập VI, tr.172
1843	Thủy Xá, Hòa Xá	Nước Thủy Xá, nước Hòa Xá đến cống. Phó sứ Kiêu Mộc bị bệnh, phải ở lại chỗ đầu biên giới. Chánh sứ Sơn Thị đến sứ quán tỉnh Phú Yên, cũng bị bệnh.	<p>Quan tỉnh tâu lên, vua Thiệu Trị dụ rằng: “Hai nước ở cõi xa, người mến thanh giáo của triều đình, được liệt vào hàng châu đã lâu. Tấm lòng sợ mệnh trời, thờ nước lớn, trước sau không thay đổi, rất đáng khen thưởng. Sứ bộ ấy trước kia đã được châu hầu, đến khi về, theo lệ, có ban cho sắc thư và các phẩm vật. Nay sứ thần ở xa đến, tình huống càng đáng thương yêu, nên đã chuẩn cho đợi ở tỉnh Phú Yên, tha cho không phải đến Kinh để bớt khó nhọc phiền phức”. Rồi ban hậu thưởng hơn nữa, sai phái viên đem đi ban cho, nhưng đình không ban sắc thư mà báo cho về.</p>	Tập VI, tr.515
1852	Thủy Xá, Hòa Xá	Nước Thủy Xá, Hòa Xá sai sứ thần là bọn Thế Kiêu Mộc đến tiến cống (ngà voi và sừng tê).	<p>Vua Tự Đức cho là 2 nước ấy đường xa lại gặp năm mất mùa, cho làm lễ ở hành cung tỉnh Phú Yên, ban cho rỗi cho về. Khi ấy vua mới nước Hòa Xá là Chăm La mới lập, đặc biệt cho họ là Cửu tên Ha, để tỏ ra sắc mệnh yêu quý.</p>	Tập VII, tr.248-249
1855	Thủy Xá, Hòa Xá	Nước Thủy Xá, Hòa Xá đến cống sản vật địa phương. (Thủy Xá cống 1 cặp ngà voi, 2 chiếc sừng tê; Hòa Xá cống 1 chiếc ngà voi, 1 chiếc sừng tê). Bồi thần các nước ấy đều đến tiến lễ ở đạo Phú An	<p>Vua Tự Đức sai ban tờ sắc thư cho 2 quốc vương ấy, thưởng vật hạng cho các bồi thần và thông ngôn, rồi cho về nước.</p>	Tập VII, tr.382
1865	Thủy Xá, Hòa Xá	Thủy Xá, Hòa Xá 2 nước sai sứ là Sơn Ly đến cống (năm ngoài nước Thủy Xá lập vua mới ngôi chưa xong, hoãn cho đến năm ấy).		Tập VII, tr.923
1868	Thủy Xá, Hòa Xá	Hai nước Thủy Xá, Hòa Xá dâng lễ mừng, hai nước ấy năm trước gặp nạn đói kém, lễ cống hoãn đến năm nay, đến nay ủy Chánh Phó sứ là Kiêu Linh, Sơn Lý đến Phú Yên tiến dâng đồ cống và lễ mừng. (Đồ cống của nước Thủy Xá, 2 cái ngà voi, 2 cái sừng tê và lễ mừng 1 cái ngà voi; đồ cống của nước Hòa Xá, 1 cái ngà voi, 1 cái sừng tê và lễ mừng 1 cái ngà voi).	<p>Quan bộ Lễ tâu nói: Năm nay kính gặp Khánh tiết, đã ban Dụ báo, phẩm tất cả châu mừng tiến dâng, yến nhạc, bầy đặt phù phỉ đều bãi bỏ hết, nhưng 2 nước ấy ở xa hẻo lánh, thêm nhiệm thanh giáo đã lâu, kính sửa lễ nghi tiến dâng là do lòng thành, nếu cho đình bãi, không phải để vui lòng người phương xa. Vua Tự Đức y lời tâu ấy (đến ngày làm lễ mừng, chuẩn cho đạo Phú Yên không phải về Kinh).</p>	Tập VII, tr.1111

1807	Xiêm	Xiêm La sai sứ sang cống phương vật và báo tang vua thứ ba	Sứ giả đến, triều Nguyễn cho hậu rồi báo về. Vua Gia Long dụ bầy tôi rằng: "Nước Xiêm đem việc tang vua thứ ba đến cáo, thật không có ý nghĩa gì. Xong nước ta với nước Xiêm tình nghĩa giao hiếu không nên dứt, nên bần sai sứ sang viếng". Vua Gia Long bèn sai bọn Cai cơ Đỗ Phúc Thịnh, Tham luận Trần Đán, Hàn lâm viện Hoàng Văn Tri, Cầu kê Ngô Văn Duyệt sung chánh phó sứ sang Xiêm. (Tặng Phật vương: 2 cân kỷ nam, 23 cân quế, 300 tấm the, 100 tấm lụa, vải nhỏ trắng và vải thảm mỗi thứ đều 50 tấm; tặng vua thứ hai 200 tấm the, lụa và vải đều 50 tấm; phủng vua thứ ba: 100 cân sáp ong, 1.000 cân đường cát, đường phôi và đường phen đều 200 cân, vải vàng 100 tấm). Khi sứ trở về, người Xiêm gửi thư tạ ơn.	Tập I, tr.690
1803	Nam Chương	Nước Nam Chương xin cống (nội phụ): Nam Chương sai bọn Nại Khai dâng thư xin theo đường châu Ninh Biên vào cống	Vua Gia Long xuống chiếu cho quan Bắc Thành tiếp đãi sứ giả trọng hậu, và viết thư trả lời cho vào cống.	Tập I, tr.559
1823	Nam Chương	Lại xin quy thuận: Quốc trưởng nước Nam Chương (tên riêng là Lao Lung) là phía La Xà, át Nha sai sứ là đạo Tự và đạo Hiệu Xà đến xin quy thuận, qua châu Ninh Biên trấn Hưng Hoá, đến huyện Thụy Nguyên, nhờ Phạm Thúc Nho để đạt đến trấn Thanh Hoa, thư nói rằng nước ấy 20 năm nay nghe thấy uy đức của triều đình, bốn lần tìm đường sang cống mà không được tới, nay lại sai sứ dâng thư xin làm thần thuộc.	Trần thần đem việc tâu lên. Vua Minh Mệnh bảo bầy tôi rằng: "Nước Nam Chương ở phía Tây Nam, bờ cõi cách xa, từ trước chưa thông chức cống, nay đã khấn xin quy thuận, hưởng theo giáo hoá, lòng thành thực đáng khen. Vậy sai trạm đưa tới Kinh".	Tập II, tr.273
1828	Nam Chương	Nước Nam Chương đến cống: Trước đây Bắc Thành phái uỷ Cai tổng tổng Kim Bôi trấn Sơn Tây là Đinh Công Tĩnh, đi dò thám tình hình biên giới Nam Tương và Nam Chương, Tĩnh đến địa giới Nam Chương, bị họ ngăn trở, bèn giả làm văn bằng hỏi lễ cống. Nam Chương tin, sai sứ thân là bọn Phi Như Mang Ngoại đem phương vật (voi đực 2 con, ngựa voi 1 đôi, sừng tê 2 tảng, khánh đồng tròn, trống đồng mỗi thứ 2 cái, trầu mán vải mán mỗi thứ 20 tấm), theo Tĩnh đến châu Ninh Biên trấn Hưng Hoá. Tĩnh đợi lệnh. Thành thần đem việc tâu lên	Vua Minh Mệnh hỏi bầy tôi. Thư Trung quân là Tổng Phước Lương tâu rằng: "Nam Chương đến cống là bởi Tĩnh giả mệnh. Nay nhân thế mà nhân đó cống có nên không?" Tham tri Lê bộ Phan Huy Thực tâu rằng: "Nam Chương nghe một lời nói của Tĩnh đã lập tức nộp cống, bởi vì nước ấy từ xưa đã mên phong hoá nhà vua từ lâu, mà chưa được ý nguyện, cho nên cung thuận như thế. Trộm nghĩ người giả mệnh cố nhiên nên trị tội, mà sứ nước ngoài đến cũng không nên cự tuyệt để lấy lòng người xa". Vua Minh Mệnh nói: "Sứ thần từ xa mới đến không nỡ cự tuyệt, nên báo đến Bắc Thành dừng lại, hỏi xem đến như thế ý từ có thực không rồi liệu mà đối xử". Bèn sai thành thần hộ dân sứ giả đến thành, báo rằng: "Nam Chương năm xưa quy phục, rồi lại thôi, thực là mất cái lễ nước nhỏ thờ nước lớn. Nếu cứ một toan quân lễ cũng có thể hỏi tội. Nhưng lại nghĩ rằng đường đường một nước lớn có cần gì một nước nhỏ, cho nên vẫn bao dung lơ đi mà không hỏi. Nay sai sứ giả từ xa đến, không kể đến việc Tĩnh giả mệnh, triều đình sẽ xử trị, chỉ nói đến việc đến cống này có phải là tự vua tôi nước người sẵn lòng cung thuận đã bàn định trước, hay là vì Tĩnh lừa dối chứ không phải thực lòng, thì cho về không bắt ép đâu". Sứ giả đáp rằng: "Năm trước định xin đến cống nhưng trong nước có nhiều việc đành phải chậm trễ. Gần đây nghe nói Trấn Ninh quy phụ triều đình, vua tôi nước tôi một lòng cung kính đã dự bị lễ vật sẵn sàng bèn sai tìm đường vào cống. Vừa gặp Đinh Công Tĩnh đến, mừng có thể đạt được nên sai sứ theo đi, xem được đến Kinh châu để hoà lòng thành của người phương xa". Thành thần dịch lời nói ấy tâu lên. Vua y cho. Sứ thần đến nói, cho châu lỵ ở sân điện rồi gọi lại uỷ lạo. Vua sai bộ Lễ bàn định kỳ cống (cử những năm Sửu, Thìn, Mùi, Tuất, 3 năm một lần cống) phẩm vật cống (ngựa voi 4 đôi, tê giác 8 tảng, trống đồng 2 cái) và đường đi sứ (do Trấn Ninh đến Nghệ An để đến Kinh). Vua cho hậu rồi báo về (cho quốc trưởng là Chiêm Mang 4 tấm gấm, 8 tấm lụa, 40 tấm sa the, 30 tấm vải; chánh sứ cùng người đi theo thì thưởng cho áo quần nhiều cùng bạc lạng theo thứ bậc).	Tập II, tr.772-774
1833	Nam Chương	Nước Nam Chương sai sứ đến cống.	Sứ đến Trấn Ninh, quan tỉnh Nghệ An tâu lên. Vua Minh Mệnh sai bộ Lễ đối định lại lễ sứ bộ tiền Kinh (Lễ trước: sứ bộ có 26 người, số được cho tiền Kinh là 1 chánh sứ, 1 phó sứ, 3 đầu mục, 1 thông ngôn, 4 lính tùy tùng gồm 10 người. Nay đổi định lại: 1 chánh sứ, 1 phó sứ, 2 đầu mục, 1 thông ngôn, 3 lính tùy tùng, gồm 8 người. Ngoài ra đều ở lại biên cương và sẽ được thưởng).	Tập III, tr.581
1833	Nam Chương	Nước Nam Chương đến cống	Vua Minh Mệnh cho rằng trống đồng dùng làm đồ cống, không phải là của nước ấy làm ra. Vậy sắc sai: Từ nay, khi đến kỳ cống, cho lấy sản vật thổ ngơi khác của nước ấy làm lễ cống, chứ không cầu chấp theo lệ trước. Kịp khi sứ giả về, vua Minh Mệnh bảo Phan Huy Thực rằng: "Trước kia tỉnh Nghệ An, thấy nước Nam Chương chưa sai sứ đến cống mới bắt giữ dân buôn của nước ấy. Ta sai tha ra cho về để tỏ ý mềm dẻo vô về, không thể thì lấy đầu để cho người phương xa phải phục? Xưa Hán Quang Vũ đóng cửa Ngọc Môn (15) để từ tạ nước Tây Vực, thực đáng cho đời sau bắt chước. Tài ta không bằng người xưa, chỉ mong cho bốn phương phẳng lặng, trong nước yên vui, còn đối với nước xa, chẳng cần trách nó phải đến cống".	Tập III, tr.609-610

1838	Nam Chương	Nước Nam Chương sai người nhà là Tào Khâm Phan đưa thư đến Nghệ An kêu xin chịu tội và sửa lễ cống.	Vua Minh Mệnh báo thị thần rằng: "Nam Chương là một nước nhỏ, ở nơi biên giới xa xôi, trước đây kính thờ bần triều ta, xưng thần phụng công sáu, bảy năm nay, lại dám kết bè với bọn giặc Xiêm, bỏ việc triều cống, giặc Hoàng ở Trấn Ninh mưu việc làm phản, cũng giúp làm hại và nhiều lần lần cướp đồn Ninh Biên ở Hưng Hoá, dọa nạt dân ở biên giới không phải một việc mà thôi, nay lại xin sửa sang chức cống thì việc làm trước sau lại nhiều trái ngược, hoặc bị nước Xiêm xui giục, nhờ đó, để thử xem cử động của triều ta hay bị nước Xiêm bức bách, theo về triều ta cầu khời hỏi tội, ngoài đó còn có kẻ gian gì khác cũng chưa biết được". Vua Bèn sai Lang trung bộ Hình là Phạm Khắc Trạch, Lễ khoa Cấp sự trung là Lê Văn Thực đi đến xét hỏi, hần nói: "Quốc trưởng hần là Lư Mang mới chết, em quốc trưởng là Oan Na quyền coi việc nước, mà con quốc trưởng lại sai người cầu thông với nước Xiêm, chưa định người được lập, vì thế mà đến". Bọn Trạch về đem việc ấy tâu lên. Vua Minh Mệnh bảo rằng: "Nước ấy, việc trở về trước, tội ở quốc trưởng, cố nhiên không phải nói. Nay nhân ngôi quốc trưởng chưa định, muốn vin thanh thế triều ta, tự tranh cướp nhau, triều đình làm việc quang minh chính đại, quyết không dung nạp, các người đến đó, chuẩn cho đuổi về ngay, đợi sau việc nước ấy yên ổn, ai được nối làm quốc trưởng, danh phận rõ ràng, nếu biết thực lòng xin cống, do tự lòng chân thực, do tính cứ thực chuyên tâu lên mới được".	Tập V, tr.261-262
1832	Mục Đa Hán ở Lạc Biên	Dân Mán Mục Đa Hán ở phủ Lạc Biên sai sứ đến cống	Vua Minh Mệnh ra lệnh cho tỉnh thần Nghệ An khoản đãi rồi cho về.	Tập III, tr.317
1807	Mường Luống (Lương Mang)	Lương Mang [Mường Luống] (16) sai sứ đến cống	Sứ đến Nghệ An, tâu thần dịch thư dâng lên. Vua Gia Long cho rằng Lương Mang ở xa mà đến thần phục, thực đối chưa rõ, sai trả lại đồ cống, cho hậu rồi báo về.	Tập I, tr.687

Nguồn: Quốc sử quán triều Nguyễn (2002, 2004, 2007), *Đại Nam thực lục*, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

1847, 1848, 1851, 1854, 1857), Mục Đa Hán ở phủ Lạc Biên tiến cống 01 lần vào năm 1832, Mường Luống (Lương Mang) tức là Luống Phabăng tiến cống 01 lần vào năm 1807. Trong các lần tiến cống của hai nước Thủy Xá, Hỏa Xá thì 6 lần sau cùng (vào các năm 1841, 1843, 1852, 1855, 1865, 1868) là cống chung cùng nhau theo sự chấp thuận của nhà Nguyễn. Nếu căn cứ theo số lần triều cống nêu trên thì Chân Lạp, Vạn Tượng, Thủy Xá, Hỏa Xá là những nước duy trì hoạt động tiến cống đều đặn hơn cả. Tiếp đó là Nam Chương và Cao Miên, những nước còn lại như Mục Đa Hán, Mường Luống chỉ duy nhất một lần cống tiến cống trong suốt thế kỷ XIX. Qua đó cũng hé lộ phần nào cho chúng ta thấy mức độ đậm - nhạt của mối quan hệ "thượng quốc - chư hầu" giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á lục địa thời gian này. Cũng như hoạt động triều cống Trung Quốc của nhiều nước Đông Á cùng thời, hoạt động triều cống Việt Nam của các nước Đông Nam Á lục địa diễn ra theo những quy tắc nhất định do triều Nguyễn ban hành, tất nhiên những quy định ấy phải nhận được sự đồng thuận từ

phía các nước đi triều cống. Căn cứ vào ghi chép của Quốc sử quán triều Nguyễn, chúng ta được biết những quy định cụ thể về định kỳ triều cống, số lượng đồ vật phải tiến cống, thành phần sứ bộ đi tiến cống, lộ trình đi cống và thời gian tiến cống mà triều Nguyễn ấn định cho các nước "phiên thuộc". Ví dụ:

Vào năm 1805, triều Nguyễn định lệ cống cho nước Vạn Tượng là 3 năm 1 lần, lấy các năm Sửu, Thìn, Mùi, Tuất làm kỳ cống, tháng 12 thì đến Kinh cho kịp ngày chầu mừng tiết Chánh đán. Đồ cống là: voi đực 2 con, sừng tê 2 tòa, ngà voi 2 chiếc, vó quế 5 cân. Sứ bộ thì chánh sứ phó sứ đều 1 người, tù trưởng 3 người, thông ngôn 2 người, người đi theo 30 người. Đường sứ do trạm Nghệ An dẫn đi, không được theo đường Cam Lộ Ai Lao (17).

Đến năm 1807, sau khi đã phong vương cho vua Chân Lạp là Nặc Chân, nhà Nguyễn định lệ ba năm một lần cống cho nước này, bắt đầu từ năm nay. Nhà Nguyễn cũng quy định cống phẩm là 2 thớt voi đực, 2 tòa sừng tê, 2 chiếc ngà voi, 2 bình sơn đen, đậu khấu, sa nhân, sáp ong, cánh kiến, trần hoàng, mỗi thứ đều 50 cân.

Ngoài ra, thành phần sứ bộ cũng được ấn định, gồm một chánh sứ một phó sứ, cứ tháng 4 tới Gia Định, thành thân ủy người đưa đến Kinh. Số người đi theo, đường bộ 10 người, đường biển 20 người (18).

Năm 1828, nhà Nguyễn đưa ra quy định triều cống cho nước Nam Chuông như sau: Định kỳ cống (cứ những năm Sửu, Thìn, Mùi, Tuất, 3 năm một lần cống), phẩm vật cống (ngà voi 4 đôi, tê giác 8 tảng, trống đồng 2 cái) và đường đi sứ (do Trấn Ninh đến Nghệ An để đến Kinh) (19). Đến năm 1833, vua Minh Mệnh sửa đổi, bổ sung thêm quy định tiến cống cho nước Nam Chuông, cụ thể: vua sai bộ Lễ đổi định lại lệ sứ bộ tiến Kinh (Lệ trước: sứ bộ có 26 người, số được cho tiến Kinh là 1 chánh sứ, 1 phó sứ, 3 đầu mục, 1 thông ngôn, 4 lính tùy tùng gồm 10 người. Nay đổi định lại: 1 chánh sứ, 1 phó sứ, 2 đầu mục, 1 thông ngôn, 3 lính tùy tùng, gồm 8 người. Ngoài ra đều ở lại biên cương và sẽ được thưởng) (20).

Năm 1831, triều Nguyễn cũng chuẩn định cho Hỏa Xá số đồ cống là: ngà voi 1 đôi, sừng tê 2 cái; kỳ tiến cống là 3 năm 1 lần, cụ thể là vào các năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu, bắt đầu thực thi từ năm Minh Mệnh thứ 15 [1834] (21).

Hay vào năm 1847, triều Nguyễn định lệ cống cho Cao Miên là 3 năm một lần cống, bắt đầu từ năm Mậu Thân (tạ ân và lễ phẩm đều do sứ cống cùng tiến một thể). Lễ cống, lễ phẩm cũng được quy định, gồm có: 2 thốt voi đực, 2 chiếc ngà voi, 2 bộ tê giác, sa nhân, đậu khấu, trần hoàng, cánh kiến, sáp ong đều 5 cân, sơn đen 20 vò. Số người trong sứ bộ được ấn định là: chánh sứ, phó sứ đều 1 viên, thông ngôn 2 viên, thầy thuốc 2 viên, quân đi theo 9 tên, rồi do quan tỉnh An Giang trước báo nhật kỳ lên đường; đến trung tuần tháng hai đến An Giang, quan tỉnh xét thực lễ phẩm, rồi

trích ra ngà voi, tê giác và đậu khấu 3 hạng, cho theo đi cùng sứ bộ, do đường bộ phát đệ; còn các hạng khác cho tùy tiện vận tải: thốt voi giao cho tỉnh Gia Định chăn nuôi. Lượng cho 2 viên phó chánh sứ, 1 viên thông ngôn, 1 viên thầy thuốc, 3 tên quân đi theo, cùng với tỉnh phái thông phán hoặc kinh lịch 1 viên sung chức trưởng tống và 1 viên thông ngôn, đều cùng với sứ bộ nhất tề khởi hành do đường bộ lên đường: trung tuần tháng tư đến Kinh, hạ tuần làm lễ triều cống, rồi lưu lại đợi hai khánh tiết Đoan dương và Vạn thọ, tùy ban chiêm bái. Khi lễ xong, rồi sẽ cho bộ tâu xin cho về. Như vậy, ngay cả lộ trình đi cống, các bước trong Lễ tiến cống mà Cao Miên phải thực thi đều được nhà Nguyễn quy định khá cụ thể (22).

Đặc biệt, năm 1841, triều Nguyễn còn ban Dụ cho hai nước Hỏa Xá, Thủy Xá cùng cống chung với nhau 3 năm một lần “cho tùy ý để người xa được thỏa lòng thành”. Khi tờ dụ đưa đến, cả hai nước Thủy Xá, Hỏa Xá đều rất mừng, xin đến tháng 6 sai sứ đến Kinh (một người sứ sang làm lễ tiến hương, một người sứ sang mừng vua lên ngôi). Vua Minh Mệnh chấp thuận. Các phẩm vật đem cống được quy định như sau: nước Thủy Xá thì cống 2 chiếc ngà voi, 2 cái sừng tê. Nước Hỏa Xá thì cống 1 chiếc ngà voi, 1 sừng tê. Cứ đến năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thì nước Thủy Xá phải chọn sai người đi sứ và mang cả phẩm vật của hai nước đến tỉnh Phú Yên làm lễ tiến cống (23).

Như vậy, chúng ta thấy, dù các nước khác nhau thì quy định về đường đi tiến cống, số lượng cũng như các sản vật phải cống là không giống nhau, song nhìn chung, các phẩm vật dâng cống của các nước là không nhiều, đều là những sản vật dễ kiếm tìm ở những nước này. Hơn thế, thời gian tiến cống được quy định chung

cho các nước đều là 3 năm 1 lần. Đặc biệt, qua ghi chép của Quốc sử quán triều Nguyễn, chúng ta còn biết cả việc nhà Nguyễn ban lệ tặng biếu sứ đoàn các nước đến triều cống. Ví dụ, vào năm 1841, vua Minh Mệnh ban dụ rằng: “Theo lệ, thưởng cho Quốc vương nước Thủy Xá cái khăn nhiều màu làm dài 8 thước, áo dài bằng sa dày màu lam, màu trắng 1 cặp, áo nhung vải trong lót lụa màu, tay hẹp 1 cái, áo sa dày màu lam, màu trắng tay hẹp 1 cặp, áo sa nam toàn tơ, tay hẹp các màu 5 chiếc, quần nhiều màu lam, màu hồng mỗi màu 1 chiếc, quần lụa nam màu cánh kiến 2 chiếc, 1 bộ đồ uống rượu có 1 cái nậm, 3 cái chén, 1 cái khay. Quốc vương nước Hỏa Xá được 1 cái khăn nhiều màu lam dài 8 thước, áo dài bằng sa dày màu lam, màu trắng 1 cặp, áo nhung vải trong lót lụa màu, tay hẹp 1 chiếc, áo sa nam toàn tơ, tay hẹp các màu 3 chiếc, quần nhiều màu lam, màu hồng mỗi màu 1 chiếc, 1 bộ đồ uống rượu. Lại cấp cho Quốc vương hai nước đều 1 cặp áo măng tam phẩm về võ giai. Thưởng cho Nguyễn Văn Quyền làm Đội trưởng ở tỉnh ấy, Đặng Văn Hoạt làm Cửu phẩm thư lại, bọn tùy phái, thông ngôn, mỗi người 1 cặp áo bằng nhiều nam vải Tây dương và 10 lạng bạc” (24). Rõ ràng, việc ban tặng cho sứ đoàn triều cống các nước đã được nhà Nguyễn ban hành thành “lệ” trong thời gian này. Điều này thể hiện thái độ tôn trọng, sự mềm dẻo đặc biệt trong ứng xử ngoại giao của triều Nguyễn với các nước “phiên thuộc” dù đang trong vai trò của một đấng “thượng quốc”.

Với phương châm đối ngoại “nhu viễn” (25), nhà Nguyễn đã dành rất nhiều sự ưu ái trong việc giao đãi, tiếp đón sứ thần các nước sang Việt Nam triều cống.

Tôn trọng các nước tiến cống, những cống vật dư ra so với quy định đều được

triều Nguyễn cho trả lại, rồi hậu đãi sứ thần các nước trước khi họ ra về. Ví dụ như, vào năm 1816, khi Chân Lạp sai sứ sang cống, vua Gia Long thấy nước ấy mới yên, sai thu phẩm vật một vài thứ, còn dư cho trả lại rồi hậu đãi sứ đoàn (26).

Theo dõi hoạt động tiến cống Việt Nam thời bấy giờ, chúng ta cũng dễ nhận thấy chính sách đãi ngộ sứ thần triều cống vô cùng hậu hĩnh của vương triều Nguyễn. Điển hình là vào năm 1821, khi sứ giả nước Vạn Tượng là bọn Phi Chủ Phô vào cống, vua Minh Mệnh đã động viên và cho thưởng rất hậu, ngoài lệ thưởng, nhà vua còn thưởng thêm cho Quốc trưởng 5 cây gấm đoạn, lụa các màu, là nam, sa nam, the nam, mỗi thứ 10 tấm, 1 bộ đồ chè bịt vàng, bát bịt vàng bịt bạc mỗi thứ 1 cái, đĩa bịt bạc 10 cái, trống lớn 1 cái; chánh sứ 1 áo chiến bằng gấm Tống đỏ, phó chiến một áo chiến bằng nhung đoạn lam, mỗi người đều 1 xiêm bằng gấm man, 1 gối cẳng, 1 cái lọng, 1 bộ đồ chè bịt bạc, 20 lạng bạc; chánh sứ 2 cây súng tây bằng kim loại, phó sứ 1 cây, mỗi người đều một thanh đao mạ bạc; tù trưởng 8 lạng bạc, thông ngôn 5 lạng, mỗi người đều được áo chiến bằng trừu màu bảo lam, 1 bức xiêm man; dân man mỗi người được 3 lạng bạc (27). Đến năm 1828, khi nước Nam Chưởng đến cống voi đực 2 con, ngà voi 1 đôi, sừng tê 2 tảng, khánh đồng tròn, trống đồng mỗi thứ 2 cái, trừu mấn vải mấn mỗi thứ 20 tấm, vua Minh Mệnh cho hậu rồi bảo về (cụ thể: cho quốc trưởng là Chiêm Mang 4 tấm gấm, 8 tấm đoạn, 10 tấm lụa, 40 tấm sa the, 30 tấm vải; chánh sứ cùng người đi theo thì thưởng cho áo quần nhiều cùng bạc lạng theo thứ bậc) (28). Hay vào năm 1833, nước Chân Lạp sai sứ triều cống nhà Nguyễn, vua Minh Mệnh đã sai quan phần việc chế cấp phẩm phục thường triều cho Chánh sứ

là Ốc Nha Chiết tức, Phó sứ là Ốc Nha Bông Sa và ốc Lịch Nhâm. Đến khi họ về nước, vua lại thưởng cho Chánh sứ bộ đồ trà cần vàng, bộ đồ uống rượu bằng pha lê bịt vàng; cho Phó sứ bộ đồ chè cần bạc và bộ đồ uống rượu bằng pha lê mỗi người một bộ (29). Hoặc vào năm 1834, khi nước Hỏa Xá đến cống, ngoài thưởng theo lệ, nhà Nguyễn còn thưởng thêm cho nhiều cây hàng tấm, có từng bậc khác nhau (2 sứ thân: mỗi người 2 tấm sa, đoạn; 1 thông sự: 2 tấm sa trơn hàng ta; 3 hành nhân: mỗi người một tấm dũi) (30). Đến năm 1857, khi nước Cao Miên sai sứ (Chánh sứ là Ốc Nha Bô Ni Đốc tên là Ngôi, Phó sứ là Ốc Nha Phật Kha Đê Ni Đốc tên là Khét) đem đồ triều cống (2 con voi và sừng tê, ngà voi, đậu khấu, mọi thứ lễ vật), triều Nguyễn ban cho mỗi người một bộ áo mũ tứ phẩm và lục phẩm võ quan, theo ban vào lạy. Đến khi về, triều Nguyễn còn thưởng cho từ Chánh, Phó sứ trở xuống vàng lụa sa đoạn có thứ bậc khác nhau, thưởng cho vua nước ấy gồm các màu 10 cây, đoạn nam 2 cây, trầu, lương, vải, lụa, đoạn, dệt đậu tám sợi tơ, trầu phiếu trắng, nhiều trắng, sa dệt thủy 3 màu lam già, các hạng cộng 94 tấm, lĩnh và sa mỏng, sa dày, sa chuỗi chín 3 thứ cộng 36 tấm (31).

Đặc biệt, trong nhiều trường hợp, số lượng tặng phẩm mà nhà Nguyễn ban cho vua quan, sứ đoàn nước triều cống còn gấp nhiều lần so với số cống vật nhận được. Ví dụ, vào năm 1805, Quốc trưởng nước Vạn Tượng là Chiêu A Nỗ sai sứ đến cống (Voi đực 2 con, sừng tê 2 tòa, nhục quế 800 cân), vua Gia Long bảo Đặng Đức Siêu rằng: “Đi thì hậu, lại thì bạc, đó là đạo mềm mỏng với người xa. Nước Vạn Tượng không bỏ lễ thờ nước lớn, kính thuận đáng khen, nên ban tứ hậu mà bảo về” và ban cho Quốc trưởng đoạn hồng vũ 5 tấm, trầu trắng 20 tấm, the mâu, lụa trắng, vải nhỏ trắng, vải

nhỏ thâm, đều 50 tấm; sứ bộ 43 người đều cho bạc tiền theo thứ bậc khác nhau (32). Hay năm 1847, khi sứ Cao Miên sang làm lễ triều cống, triều Nguyễn đã ban thưởng cho Quốc trưởng cùng sứ giả đi cống vô cùng hậu, với một số lượng lớn sản vật. Không chỉ Quốc trưởng, Chánh, Phó sứ được ân thưởng mà ngay cả quan quân đi theo và những viên thông dịch cũng được tiếp đãi, ban thưởng vô cùng chu đáo (33) (Xem chi tiết sự kiện năm 1847 ở bảng 1).

Ngay cả những nước nhỏ như Hỏa Xá, Thủy Xá cũng nhận được sự ban thưởng rất hậu từ phía nhà Nguyễn mỗi dịp tiến cống. Chẳng hạn vào năm 1841, trong khi nước Thủy Xá cống 2 chiếc ngà voi, 2 cái sừng tê, nước Hỏa Xá thì cống 1 chiếc ngà voi, 1 sừng tê thường, thì nhà Nguyễn cho Quốc vương nước Thủy Xá cái khăn nhiều màu làm dài 8 thước, áo dài bằng sa dày màu lam, màu trắng 1 cặp, áo nhung vải trong lót lụa màu, tay hẹp 1 cái, áo sa dày màu lam, màu trắng tay hẹp 1 cặp, áo sa nam toàn tơ, tay hẹp các màu 5 chiếc, quần nhiều màu lam, màu hồng mỗi màu 1 chiếc, quần lụa nam màu cánh kiến 2 chiếc, 1 bộ đồ uống rượu có 1 cái nậm, 3 cái chén, 1 cái khay. Quốc vương nước Hỏa Xá được tặng 1 cái khăn nhiều màu lam dài 8 thước, áo dài bằng sa dày màu lam, màu trắng 1 cặp, áo nhung vải trong lót lụa màu, tay hẹp 1 chiếc, áo sa nam toàn tơ, tay hẹp các màu 3 chiếc, quần nhiều màu lam, màu hồng mỗi màu 1 chiếc, 1 bộ đồ uống rượu. Ngoài ra, nhà Nguyễn còn cấp cho Quốc vương hai nước đều 1 cặp áo măng tam phẩm về võ giai. Đồng thời, nhà Nguyễn còn thưởng cho Nguyễn Văn Quyền làm Đội trưởng ở tỉnh ấy, Đặng Văn Hoạt làm Cửu phẩm thụ lại, bọn tùy phái, thông ngôn, mỗi người 1 cặp áo bằng nhiều nam vải Tây dương và 10 lạng bạc) (34).

Rõ ràng, số lượng vật phẩm mà nhà Nguyễn đáp tặng trong những lần này cho các nước triều cống còn lớn hơn nhiều lần so với cống vật được nhận.

Thậm chí, có trường hợp xét thấy lòng thành khẩn của sứ đoàn tiến cống, nhà Nguyễn còn quy sản vật tiến cống ra giá rồi trả tiền cho sứ đoàn đi cống. Ví dụ, vào năm 1834, khi vua nước Chân Lạp là Nặc Chân xin dâng cống 3 thốt voi đực, quan Phiên là Chu Đích Danh Tuân, cũng xin hiến 1 con, vua Minh Mệnh nghĩ rằng những người tiến cống đó đều có lòng rất thành khẩn, nên đều chuẩn cho thu nhận và khen thưởng, rồi tính giá, trả tiền cho (cứ mỗi con voi cống được trả 200 quan tiền) (35).

Cũng có khi nhận thấy nước phiên thuộc đang gặp nhiều khó khăn, nhà Nguyễn đã không nhận cống phẩm mà cho trả lại rồi tặng thưởng thêm. Điển hình như vào năm 1827, Quốc trưởng nước Vạn Tượng là A Nỗ sai con là Hạt Xà Bông đem phương vật vào cống tạ, vua Minh Mệnh đã sai trả lại những đồ dâng, chỉ lấy 10 thốt voi đực, cho rất hậu rồi bảo về (36).

Hơn thế, nhà Nguyễn còn thấu hiểu cả nỗi vất vả, sự giá lạnh đang đe dọa sức khỏe các đoàn sứ thần đi triều cống khi mùa Đông về. Bởi thế mới có sự kiện năm 1827, triều Nguyễn ban quần áo cùng chăn đệm chống rét cho sứ đoàn Chân Lạp (37).

Không những vậy, nhằm giúp các sứ thần đỡ vất vả hơn sau hành trình đi sứ xa xôi, nhà Nguyễn đã không ít lần miễn cho các sứ đoàn không phải đến tận Kinh đô. Ví dụ, vào năm 1824, vua Minh Mệnh ban sắc cho sứ đoàn Chân Lạp miễn đến Kinh (38). Đến năm 1831, vua Minh Mệnh lại tiếp tục ban Dụ miễn cho sứ bộ Chân Lạp đến Kinh (39). Hay năm 1843, khi nước Thủy Xá, nước Hỏa Xá đến cống, Phó sứ Kiệu Mộc bị bệnh, phải ở lại chỗ đầu biên giới, Chánh

sứ Sơn Thí đến sứ quán tỉnh Phú Yên, cũng bị bệnh, vua Thiệu Trị đã hết sức thông cảm, bày tỏ sự quan tâm đặc biệt bằng chỉ dụ cho sứ thần không phải đến Kinh: “Hai nước ở cõi xa, ngược mền thanh giáo của triều đình, được liệt vào hàng châu dã lâu. Tắm lòng sợ mệnh trời, thờ nước lớn, trước sau không thay đổi, rất đáng khen thưởng. Sứ bộ ấy trước kia đã được châu hầu, đến khi về, theo lệ, có ban cho sắc thư và các phẩm vật. Nay sứ thần ở xa đến, tình huống càng đáng thương yêu, nên đã chuẩn cho đợi ở tỉnh Phú Yên, tha cho không phải đến Kinh để bớt khó nhọc phiên phức” (40). Đến năm 1852, vua Tự Đức cũng cho là 2 nước này đường xa, lại gặp năm mất mùa, cho làm lễ ở hành cung tỉnh Phú Yên, ban tặng vật rồi cho về, chứ không phải đến Kinh đô (41).

Đặc biệt, những lần các nước “phiên thuộc” gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh hay nội phản, ngoại xâm, nhà Nguyễn đều sẵn sàng miễn lệ cống cho. Tiêu biểu là vào năm 1835, do vua Chân Lạp vừa bị bệnh chết, vua Minh Mệnh đã ra dụ cho đình chỉ lệ cống chính “để tỏ cái chí ý của triều đình vỗ về, hòa mục với phiên thuộc cũ, không nỡ coi như nước ngoài” (42).

Dù đối xử mềm mỏng, khoan hòa với các nước “phiên thuộc” như vậy nhưng nhà Nguyễn cũng hết sức cẩn trọng trong hoạt động này. Bởi thế, năm 1807, khi Lương Mang [Mường Luống] sai sứ đến cống, nhận được tin, Gia Long cho rằng Lương Mang ở xa mà đến thần phục, thực đối chưa rõ, sai trả lại đồ cống, cho hậu rồi bảo về (43). Hay, vào năm 1838, khi nước Nam Chưởng sai người nhà là Tạo Khâm Phân đưa thư đến Nghệ An kêu xin chịu tội và sửa lễ cống, vua Minh Mệnh đã nghiêm khắc phê bình những hoạt động cấu kết với giặc Xiêm, bỏ việc triều cống trước đó của nước này và chỉ rõ động cơ thực sự của việc

triều cống lần này của Nam Chuông là “nhân ngôi quốc trưởng chưa định, muốn vin thanh thế triều ta, tự tranh cướp nhau”. Theo đó, triều Nguyễn quyết “không dung nạp”, “chuẩn cho đuổi về ngay, đợi sau việc nước ấy yên ổn, ai được nổi làm quốc trưởng, danh phận rõ ràng, nếu biết thực lòng xin công, do tự lòng chân thực, do tình cứ thực chuyển tâu lên mới được” (44).

Nghiêm khắc, cẩn trọng là vậy, nhưng khi “phiên thuộc” biết ăn năn, “quy thuận với triều đình”, triều Nguyễn vẫn “tiếp nhận chúng, để cho quân dân được nghỉ ngơi, cái lo ở ngoài biên có thể hơi thư được”. Trường hợp nhà Nguyễn chấp nhận lễ cống năm 1847 của Cao Miên sau thời gian dài nước này dung túng thổ phỉ gây rối biên giới, làm nhọc lòng vua quan triều Nguyễn, đã thể hiện tác lòng bao dung, nhân nghĩa ấy (45).

Bên cạnh hoạt động triều cống nêu trên, trong thực tế, giữa Việt Nam và các nước Đông Nam Á lục địa còn thường xuyên duy trì mối quan hệ hòa hiếu thông qua hoạt động lễ sinh nhân những lần thăm hỏi lẫn nhau không theo kì hạn nhất định. Tuy nhiên, chỉ nước nào chấp nhận quy thuận “thượng quốc” thì khi đó mới tiến hành triều cống. Do đó, lúc này, không phải nước nào lễ sinh Việt Nam cũng sẽ tiến cống triều Nguyễn. Bởi thế, dù *Đại Nam thực lục* có ghi lại sự kiện năm 1807 “Xiêm La sai sứ sang cống phương vật và báo tang” (46) nhưng trong tư cách nước có vị thế cân bằng về tiềm lực với Việt Nam, ắt hẳn với Xiêm La, đó chỉ là hoạt động lễ sinh thông thường để duy trì quan hệ hòa hiếu giữa hai nước lúc này như những lần khác mà thôi. Trong suốt thế kỷ XIX, không chỉ phía Xiêm La đều đặn cử sứ thần sang lễ sinh Việt Nam (vào các năm: 1803 (47), 1806 lễ sinh 2 lần (48), 1809 (49), 1810 (50), 1811

(51), 1813 (52), 1816 (53), 1820 (54), 1822 (55), 1830 (56), 1880 (57)), mà phía triều Nguyễn cũng đều đặn cử sứ thần sang Xiêm La thăm hỏi và lễ sinh (cụ thể là vào các năm: 1803 (58), 1804 (59), 1808 (60), 1817 (61), 1828 (62)). Trong khi đó, với các nước Đông Nam Á khác cùng thời, nhà Nguyễn không cử trực tiếp sứ thần sang thăm hỏi và lễ sinh như vậy. Rõ ràng, khác với các nước Chân Lạp, Vạn Tượng, Nam Chuông, Thủy Xá, Hỏa Xá, thì Xiêm La không thuộc hệ thống các nước đến triều cống, “thần phục” triều Nguyễn.

3. Nhận xét

Từ diễn biến hoạt động triều cống triều Nguyễn của các nước Đông Nam Á nêu trên, một thực tế mới hoàn toàn khác với nhận định xưa nay của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã được chứng minh, đó là: không phải chỉ có một “hệ thống triều cống” đơn nhất lấy Trung Quốc làm trung tâm ở khu vực Đông Á thời phong kiến, bên cạnh “Hệ thống triều cống” thứ nhất ấy còn tồn tại một “hệ thống triều cống” thứ hai mà trung tâm của nó lại chính là nước “ngoại vi”, “chư hầu” của “hệ thống triều cống” thứ nhất. Nếu như Fairbank và Teng đã từng xem hệ thống triều cống chỉ là “Một phương tiện dành cho các mối quan hệ ngoại giao và quốc tế” mà Trung Hoa là trung tâm và là “một cái khung cho toàn thể cơ cấu mà ở đó, các khu vực đã man phi Trung Hoa được đặt vị trí trong cơ cấu bao gồm tất cả chính trị và đạo đức Trung Hoa” (63) thì thực tế nghiên cứu cho chúng ta thấy, không chỉ là một nước “phiên thuộc” (dù là hình thức) trong “hệ thống triều cống” lấy Trung Hoa làm “trung tâm” này, Việt Nam còn là “trung tâm” của một “hệ thống triều cống” Đông Nam Á lục địa. Vấn đề là, đường lối ngoại giao “nhu viễn” và cung cách ứng xử mềm

mỏng, khoan hòa, đầy Nhân nghĩa của nhà Nguyễn trong mối quan hệ với các nước đến tiến cống (như: triều Nguyễn sẵn sàng ban thưởng tặng vật cho sứ đoàn đến cống gấp nhiều lần so với sản vật triều đình này nhận được; hay chấp thuận việc cống chung giữa hai nước Hỏa Xá, Thủy Xá; sẵn sàng miễn cống sính cho các nước "phiên thuộc" khi các nước này gặp khó khăn; bao dung cả với việc "chư hầu" Cao Miên cấu kết với Xiêm gây sự ở biên giới, lơ là tiến cống suốt một thời gian dài...) đã cho chúng ta thấy khoảng cách giữa Việt Nam (trong vai trò "trung tâm", "thượng quốc") và các nước Đông Nam Á lục địa (trong vai trò "chư hầu", "ngoại vi") là gần hơn nhiều so với khoảng cách giữa Trung Quốc và các nước "phiên thuộc" của nó thời bấy giờ. Số lần triều cống nhà Nguyễn của các nước Đông Nam Á lục địa theo đó có phần "thất thường" hơn, không tuân theo định lệ đã đề ra. Thậm chí, trong thế kỷ XIX, có nước như Mực Đa Hán hay Mường Luồng (Lương Mang) chỉ sang tiến cống triều Nguyễn duy nhất 01 lần. Và trừ Thủy Xá, Hỏa Xá thì các nước còn lại hầu như không thực hiện tiến cống Việt Nam ở nửa sau thế kỷ XIX. Vì thế, có thể nói, nếu so với "hệ thống triều cống" của Trung Quốc thì "hệ thống triều cống" của Việt Nam "lỏng lẻo" hơn. Điều này hoàn toàn trùng khớp với những gì mà nhà nghiên cứu Womack đã nhận định trong tác phẩm *Asymmetry and China's tributary system*. Trong công trình của mình, ông đã phải thừa nhận rằng, Trung Quốc là một "trung tâm cứng" (solid center) nếu đặt trong tương quan so sánh với các trung tâm khác trên thế giới: "Khác với phương Tây truyền thống đã có "trung tâm lỏng lẻo" là Địa Trung Hải – xoay xung quanh các thể chế khác, thì Trung Quốc đã là "trung tâm vững chắc" nhất của Châu Á với năng suất và dân số lớn nhất" (64). Sự

lỏng lẻo trong "hệ thống triều cống" do Việt Nam làm trung tâm xuất phát từ chính sự "lỏng lẻo" trong mối ràng buộc về địa - chính trị, địa - kinh tế, đặc biệt là về văn hóa - tư tưởng giữa các nước trong cùng "hệ thống" - điều mà tác giả đã đề cập đến trong phần đầu của bài viết này. Chính sự lỏng lẻo này đã làm nên *tính tương đối* về quyền lực của Việt Nam trong quan hệ với các nước nhỏ hơn ở khu vực Đông Nam Á lục địa thời bấy giờ. Bản thân các nước nhỏ hơn trong cùng khu vực như Chân Lạp (Cao Miên), Vạn Tượng, Nam Chuông, Hỏa Xá, Thủy Xá... luôn mang trong mình đặc tính "dễ bị tổn thương" - đặc tính không chỉ của riêng những nước này mà cũng là đặc tính chung của những nước nhỏ nói chung trong quan hệ với các nước lớn - điều mà Womack đã từng khẳng định trong *Asymmetry theory and China's concept of multipolarity* (65). Vì thế, nếu "các nước lớn hơn (như Việt Nam - TG nhấn mạnh) dè dặt, hợp tác trong mối quan hệ với các nước nhỏ hơn thì các nước nhỏ hơn có khả năng sẽ ít lo lắng hơn về tính dễ bị tổn thương của mình và vì vậy, những nước nhỏ hơn sẽ có xu hướng chấp nhận trật tự thế giới được dẫn dắt bởi những nước lớn hơn vì ở đó họ tìm thấy được cả những lợi ích của mình (66). Ngược lại, khi nước lớn hơn như Việt Nam bất hợp tác và đe dọa đến lợi ích của các nước nhỏ hơn này, làm nước nhỏ bị tổn thương thì các nước nhỏ sẽ không "quy thuận" nữa và kéo theo đó, "hệ thống triều cống" do Việt Nam làm trung tâm cũng bị phá vỡ, Việt Nam sẽ đánh mất vị thế "trung tâm" của chính mình trong khu vực - vị thế góp phần làm dày thêm lá chắn cho Việt Nam trong việc bảo vệ an ninh, an toàn biên giới phía Tây, Tây Nam, cũng như có được sự cân bằng tương đối trong quan hệ với nhiều nước lớn hơn hoặc ngang bằng mình trong khu vực. Rõ ràng, đúng

như nhận định của Womack: “Chìa khóa của Chìa khóa cho một biên giới hòa bình không nằm trong việc thống trị các nước láng giềng, mà là quản lý mối quan hệ cùng chấp nhận được” (67). Với tư cách là một nước lớn hơn, trong cái thế muốn giữ vị trí “trung tâm” của mình trong khu vực Đông Nam Á lục địa, thì việc nỗ lực “quản lý mối quan hệ cùng chấp nhận được” với

các nước nhỏ hơn rõ ràng là một sự lựa chọn đầy sáng suốt của nhà Nguyễn lúc này. Và lối ứng xử ngoại giao đầy khéo léo ấy của nhà Nguyễn cũng sẽ là những gợi ý quý giá cho Việt Nam trong mối quan hệ với các nước Đông Nam Á hiện nay cũng như trong tương lai, khi mà sự gắn kết giữa các quốc gia trong khu vực đang đứng trước vô vàn thử thách khó lường định.

CHÚ THÍCH

*Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 601.01-2019.01.

(1). Tạ Ngọc Liễn, *Quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc thế kỷ XV - đầu thế kỷ XVI*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr.49.

(2). Xem thêm: J.K. Fairbank và S.Y. Teng, ‘On the Ch’ing Tributary System’, *Harvard Journal of Asiatic Studies*, Vol. 6, No. 2, 1941, pp. 135-246; J. K. Fairbank, ‘Tributary Trade and China’s Relations with the West’, *The Far Eastern Quarterly*, Vol. 1, No. 2, 1942, pp. 129-49; J. K. Fairbank, *Trade and Diplomacy on the China Coast: The Opening of the Treaty Ports, 1842-1854* (Cambridge: Harvard University Press, 1953), esp. chapter 2; and J. K. Fairbank, ed., *The Chinese World Order: Traditional China’s Foreign Relations* (Cambridge, Mass.: Harvard University Press, 1968), esp. chapter 1; John E. Wills, Jr., ‘Tribute, Defensiveness, and Dependency: Uses and Limits of Some Basic Ideas About Mid-Qing Dynasty Foreign Relations’, *American Neptune*, Vol. 48, 1988, pp. 225-9; Brantly Womack, *China and Vietnam: the Politics of Asymmetry* (New York: Cambridge University Press, 2006); Joseph F. Fletcher, ‘China and Central Asia, 1368-1884’ in J. K. Fairbank, ed., *The Chinese World Order*, pp. 206-24; Morris Rossabi, ed., *China among Equals: The Middle Kingdom and Its Neighbors, 10th-14th Centuries* (Berkeley: University of California Press, 1983); James A.

Millward, *Beyond the Pass: Economy, Ethnicity, and Empire in Qing Central Asia, 1759-1864* (Stanford: Stanford University Press, 1998).

(3). Nước Cao Miên đời cổ gọi là nước Chân Lạp.

(4). Vạn Tượng là một phần Trung Lào hiện nay, giáp giới Bắc Nghệ An.

(5). Nước Nam Chưởng gần châu Ninh Biên thuộc Hưng Hóa, ở phía Tây tỉnh Hòa Bình và phái Bắc tỉnh Thanh Hóa ngày nay.

(6). Thủy Xá thuộc phía Tây tỉnh Phú Yên ngày nay.

(7) Hỏa Xá là một bộ tộc ở phía tây của Thủy Xá, cũng thuộc phía Tây tỉnh Phú Yên ngày nay.

(8). Yu Insun, Vietnam-China Relations in the 19th Century: Myth and Reality of the Tributary System. *Journal of Northeast Asian History*, vol. 6 no.1 (June), 2009, 81-117, p.84.

(9). Shills đã từng định nghĩa: The center “is a phenomenon of the realm of values and beliefs, which govern society”. Xem: Shils, E. (1975). *Center and periphery: Essays in macro sociology*. Chicago: The University of Chicago Press, p.3; hay Shils, E. 1961. “Centre and periphery”, in *The Logic of Personal Knowledge: Essays Presented to Michael Polanyi*, Routledge & Kegan Paul, 1961, pp. 117-30.

(10). Nguyên văn: “Versions of diffusionist thought included the conviction that all cultures originated from one culture center (heliocentric diffusion); the more reasonable view that cultures originated from a limited number of culture

centers (culture circles); and finally the notion that each society is influenced by others but that the process of diffusion is both contingent and arbitrary". Xem: Winthrop Robert, H., *Dictionary of Concepts in Cultural Anthropology*, Greenwood Press, New York, USA, 1991, pp. 83-84.

(11). Triều Nguyễn ban đầu nhầm lẫn triều cống này là của Hỏa Xá và sau này đã xác minh lại là của Thủy Xá. Xem thêm: *Đại Nam thực lục*, tập VI, sdd, tr.92-93.

(12). *Trưởng tông*: trưởng đoàn dẫn cống bộ Cao Miên vào Kinh.

(13). Thủy Xá, Hỏa Xá: Hai nước ở trên nước Nam Bàn (khi Lê Thánh Tông đánh được Chiêm Thành, dòng dõi nước ấy làm vua nước Nam Bàn, cắt cho đất từ núi Thạch Bi về phía tây), thôn lạc có hơn năm chục, giữa có núi Bà Nam rất cao, vua Thủy Xá ở phía đông núi, vua Hỏa Xá ở phía tây núi. (Xem: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập I, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002, tr.157.

Đến cuối thế kỷ XIX, cụ thể là vào năm 1898, thời điểm Việt Nam đã rơi vào ách cai trị của thực dân Pháp, chính quyền thuộc địa Pháp bắt đầu tổ chức cai trị trực tiếp ở Thủy Xá, Hỏa Xá. Mặc dù các vị tiểu vương của Thủy Xá, Hỏa Xá đã tổ chức chống lại ách cai trị đó, song kết quả đều thất bại. Vua Hỏa Xá là Po At đã phải chạy trốn. Từ đây, vai trò của tiểu vương Hỏa Xá, Thủy Xá mới chính thức chấm dứt. (Xem thêm: Nguyễn Văn Huy, *Cộng đồng người Thượng trên Cao nguyên miền Trung*. Đại học Paris 7, Pháp. <https://nghien cuculichsu.com/2016/08/31/cong-dong-nguoi-thuong-tren-cao-nguyen-mien-trung/>)

(14). Đến năm 1841, sử nhà Nguyễn đính chính lại rằng: Lần này nước triều cống là Thủy Xá chứ không phải Hỏa Xá. Nguyên văn từ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập VI, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.92-93: "Nước Hỏa Xá: phía đông giáp Thủy Xá, tây giáp đất Sơn Phủ thành Trấn Tây, bắc giáp

bọn Man có bộ lạc nhất định. Khi bản triều mới bắt đầu dựng nước, thường cứ 5 năm một lần sai sứ tiến cống sản vật địa phương (nước Hỏa Xá không thể tự đến được, phụ với nước Thủy Xá). Được nước ta thưởng cho thứ gì, họ đều lưu truyền lại làm của báu đời đời. Đầu năm Gia Long [1802-1819], sứ của nước ấy đến Phú Yên, được thưởng cho rất hậu và cho về nước. Sau, vì nước ấy không yên, không sai sứ đến cống được. Năm Minh Mệnh thứ 12 [1831], nước Thủy Xá mới sai sứ đến cống, người thông dịch lại nói nhầm là Hỏa Xá, triều đình nhân theo cũng cho là Hỏa Xá. Đến đây, tỉnh thần Phú Yên là Lê Khiêm Quang và Nguyễn Văn Lý vâng lời thánh dụ, sai người đến tận nước ấy, hỏi rõ tình trạng rồi tâu lên. Lại tâu rằng: "Nước Thủy Xá liệt vào hàng chức cống của nước ta đã gần 20 năm nay, chỉ vì người thông dịch nhầm "thủy" ra "hỏa". Quốc trưởng nước ấy là Vinh Liệt vẫn không yên lòng, xin đổi tên nước ấy lại cho đúng. Nước Hỏa Xá cũng ngưỡng mộ đức hóa của nhà vua đã lâu, nhưng không thể tự đến được. Quốc trưởng nước ấy là Ma Thất cũng muốn phụ với nước Thủy Xá hợp nhau dâng lễ cống như lệ cũ".

(15). Ngọc Môn (nay ở phía Tây huyện Đông Hoàng thuộc Cam Túc) là một cửa ải xung yếu trên đường thông sang Tây Vực.

(16). Mường Luồng tức là Luông Phabăng.

(17), (22), (23), (24). *Đại Nam thực lục*, tập VI, sdd, tr.649, 1007, 92-93, 93.

(18), (26), (32), (43), (46), (47), (48), (49), (50), (51), (52), (53), (58). *Đại Nam thực lục*, tập I, sdd, tr.707, 901-935, 649, 687, 690, 576, 675-682, 770-771, 792, 810-811, 858, 934, 550.

(19), (27), (28). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập II, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.772-774, 122, 772-774.

(20), (21), (29), (39). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập III, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.581, 197-198, 545.

(25). Nhu: Yên ổn, khéo léo - Viễn: xa xôi, Nhu viễn có nghĩa là chính sách mềm dẻo, khéo léo của triều đình đối với các nước phiên thuộc và ở xa. Lấy ý từ câu trong *Kinh Thượng thư*, thiên *Thuần Điển*: *Nhu viễn năng cận*, nghĩa là có mềm dẻo, khéo léo chinh phục được dân phương xa, mới thu phục được dân vùng gần. Phải chăng đây là một khía cạnh trong chính sách đối ngoại bấy giờ?. Theo: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh chính yếu*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2009, tr.tr.1742.

(30). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập IV, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.306-307.

(31). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập VII, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr.493.

(33), (34). *Đại Nam thực lục*, tập VI, sdd, tr.968-973, 93.

(36), (37), (38). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập II, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.664, 684, 360.

(40), (42), (45). *Đại Nam thực lục*, tập VI, sdd, tr.516, 968-973.

(41). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập IV, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.248-249.

(44). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập V, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007 tr.261-262.

(54), (55). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập II, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.83-84, 231, 782.

(56). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập III, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.78-80.

(57). Lân lẽ sinh này của Xiêm La bất thành vì bị Pháp ngăn trở. Xem thêm: Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập VIII, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 415.

(59), (60), (61). *Đại Nam thực lục*, tập I, sdd, tr.590, 741, 956-957.

(62). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Tập II, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.782.

(63). J. K. Fairbank and S. Y. Teng, 'On the Ch'ing Tributary System', pp. 137, 139; C. P. Fitzgerald, *The Chinese View of Their Place in the World* (London: Oxford University Press, 1964); and John Cranmer-Byng, 'The Chinese View of Their Place in the World: An Historical Perspective', *The China Quarterly*, No. 53, 1973, pp. 67-79, at p. 68.

(64). Nguyên văn: "In contrast to the traditional West that had a 'liquid center - the Mediterranean-around and through which regimes swirled, China's has been Asia's 'solid center' of greatest productivity and population". Xem: Womack, B. Asymmetry and China's tributary system. *The Chinese Journal of International Politics*. Vol. 5, Issue 1, 2012, p. 39.

(65). Womack, B. Asymmetry theory and China's concept of multipolarity. *Journal of Contemporary China*. 13 (39), May, 2004, p.13.

(66). Nguyên văn: "If larger states are prudent, consultative, and cooperative, smaller states are less likely to be anxious about their vulnerability... tend to accept the international order led by the larger state because it is inclusive of their interests" Womack, B. Asymmetry theory and China's concept of multipolarity. *Journal of Contemporary China*. 13(39), May, 2004, p.15.

(67). Nguyên văn: "The key to a peaceful frontier did not lie in dominating neighbors, but rather in managing a mutually acceptable relationship". Xem: Womack, B. Asymmetry and China's tributary system. *The Chinese Journal of International Politics*. Vol. 5, Issue 1, 2012, p. 42.